



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Xây những giá trị, đồng những ước mơ

BAO CÁO THƯỜNG NIÊN 2014

ĂN ĂN 03.2015



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Xây những giá trị, dựng những ước mơ

Ngày 13/4/2014, Vinaconex 25 đã tổ chức kỷ niệm 30 năm thành lập. CT.HÑQT Võng Công San phát biểu: 30 năm không phải là dài cho vòng đời của doanh nghiệp xây dựng, nhưng cũng đủ để chúng ta nhìn lại và nhìn về những bài học thực tiễn và Hoa lệ của chính phục, Sôi nổi của kiến trúc, Tinh thần không mỏi, Ý chí tới lực tới công, Trách nhiệm và Nam meạ Sang tạo. 30 năm đã qua - những giá trị không gộp của bao thế hệ sẽ luôn luôn nở rộ trên từng giò gỗ. Tổ chức tiếp tục phát huy hơn nữa truyền thống này để xây dựng Công ty tiếp tục phát triển theo mục tiêu đã xác định.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Xây những giá trị, dựng những ước mơ

Giấy CNKKD	: 4 0 0 0 3 7 8 2 6 1
Vốn điều lệ	: 60.000.000.000 VNĐ
Nơi chæ	: 89A Phan Năng Lâu - NàNàng
Niên thoã	: 05113.621633
Fax	: 05113.621638
Website	: www.vinaconex25.com.vn
MãCK	: VCC
Ngôô ãi diẽn	: Ông Trìnã Vãn Thãã - Tông Giãm ãoã
Ủy quyẽn CBTT	: Ông Nãng Nhõ Thnh

QUA TRÌNH PHÁT TRIỂN:

- Thành lập năm 1984: Công ty Xây lắp số 3 tỉnh Quảng Nam - Nghệ Tĩnh.
- 1984-1997: Hình thành - Vượt khỏi Môi trường thị trường Quảng Ngãi (năm 1989), Quảng Bình (1990).
- 1997-2002: Cùng cố và Xây dựng. Trôi thành nền và xây lắp công uy tín, giai đoạn mới son hình dấu số phát triển của Công ty.
- 2002-2004: Nội môi: Gia nhập thành viên Tổng Công ty Vinaconex và đổi tên thành: Công ty Xây lắp Vinaconex 25, hoạt động khắp khu vực, trôi thành một trong những nền và luôn dẫn đầu Vinaconex.
- 2005-2009: Phát triển. Cơ cấu hóa, đổi tên thành Công ty cổ phần Vinaconex 25. Năm yết cơ phiếu lên Sàn HNX (2009).
- 2009 - 2010: Phát triển Nội phát Tài cấu trúc, nâng cao năng lực quản trị
- 2011 - đến nay: Tăng trưởng bền vững. Cùng cố nội lực. Tài cấu trúc, nâng cao năng lực quản trị, hội nhập thích nghi, cạnh tranh toàn diện

Tại kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty (13/4/1984 – 13/4/2014), CT.HNQTVõong Công San phát biểu: Bằng tinh thần lao động cần cù và tâm huyết với công việc, bằng niềm tin và ý chí, chúng ta đã vượt qua những khó khăn và thách thức của ngành xây dựng. Trong mỗi mùa mưa bão chung ấy, Mỗi chúng ta khi chuyển giao công việc của anh nhân nhiệm vụ mới mỗi cách bình tâm và đầy trách nhiệm với tập thể bằng ý chí tới lực tới công nước hun đúc nên luôn phát triển mãi mãi với bao mơ ước, trí tuệ và tài năng vươn lên.



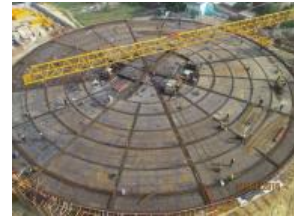
Lễ kỷ niệm 30 năm thành lập Công ty và đón nhận Huân chương độc lập hạng 3

NHÀ BÁN - LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG

Năm 2014, Vinaconex 25 cải nhà bán tại Quảng Bình
nên Tp.HCM trên 3 lĩnh vực:

XÂY DỰNG

Dàn dựng Công nghiệp



Hai tầng kỹ thuật



SẢN XUẤT KINH DOANH VẬT LIỆU XÂY DỰNG

Beátông thông phàm



Nhà xây dựng



Vật liệu ngành xây dựng



BẤT ĐỘNG SẢN

Khu đô thị

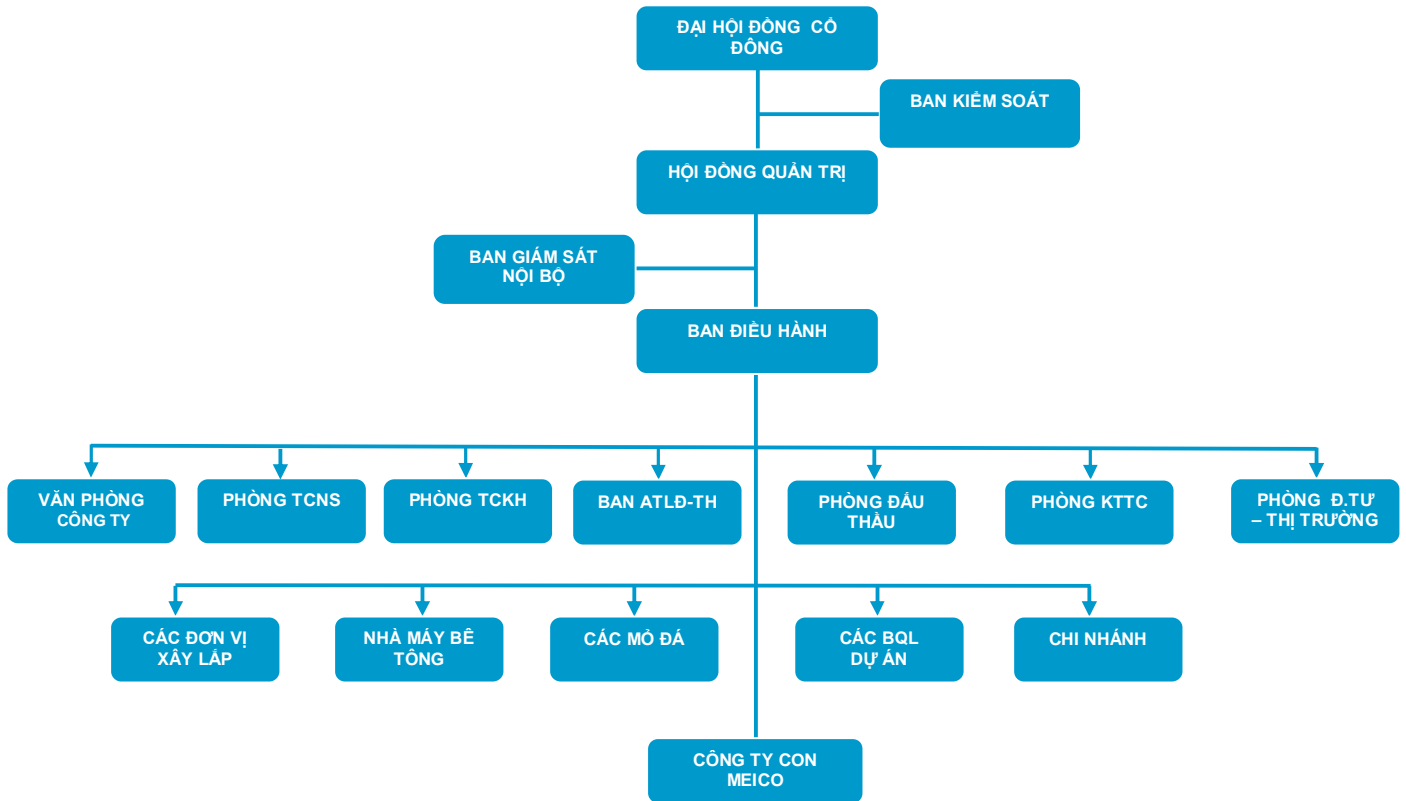


Căn hộ

**Trung tâm thương mại,
văn phòng**



MO HÌNH QUẢN TRỊ – BỒI DẪN



Hoài ñồng quản trò	Ban Ñiều hành	Ban Kiểm soát
Ông Võng Công San	Ông Trình Văn Thái	Ông Ñặng Thanh Huân
Ông Ñỗ Trọng Quyên	Ông Nguyễn Văn Trung	Ông Bùi Phõn Hùng
Ông Trình Văn Thái	Ông Phạm Bà Trung	Ông Tô Trung An
Ông Nguyễn Xuân Nham	Ông Nguyễn Xuân Nham	
Ông Phạm Bà Trung	Ông Nguyễn Ñình Thiệu	
	Ông Nguyễn Thanh Hải	



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:



ÔNG VÕNG CÔNG SƠN - CHỦ TỊCH HĐQT

Ông Sơn đã có trên 37 năm công tác trong ngành xây dựng, trong đó có trên 31 năm làm việc tại Vinaconex 25, 08 năm làm việc tại Tổng Công ty CP Vinaconex với công vụ Phó TGĐ phụ trách miền Trung, miền Nam. Tỷ lệ cổ phần đang nắm giữ 106.079 cp, chiếm 1,77%.

Nhiệm kỳ báo cáo về Quản trị Công ty



Ông Nguyễn Trọng Quỳnh
Thành viên HĐQT, ông có thời gian Phó Tổng giám đốc Vinaconex từ ngày 27/8/2014. Ông Quỳnh đã công tác trong ngành xây dựng từ năm 1985.

Ông Quỳnh là người đại diện quản lý vốn của Tổng Công ty CP Vinaconex tại Vinaconex 25 với tỷ lệ 2.460.000 cp, chiếm 41% vốn hiện có.

Nhiệm kỳ báo cáo về Quản trị Công ty



Ông Trần Văn Thái

Thành viên HĐQT, ông có thời gian Tổng Giám đốc nhiều năm. Ông Thái đã có trên 34 năm công tác trong ngành xây dựng, trong đó có 31 năm làm việc tại Vinaconex 25.

Tỷ lệ cổ phần đang nắm giữ 99.810 cp, chiếm 1,66% vốn hiện có. Ông Thái là người đại diện quản lý vốn của Tổng Công ty CP Vinaconex tại Vinaconex 25 với tỷ lệ 1.140.000 cp, chiếm 19% vốn hiện có.

Nhiệm kỳ báo cáo về Quản trị Công ty



Ông Nguyễn Xuân Nhan

Thành viên HĐQT, Phó TGĐ phụ trách nhân sự, Hành chính; Ông Nhan có thời gian Bí thư Đảng ủy Chủ tịch Công đoàn Công ty. Ông Nhan đã có 32 năm công tác trong ngành xây dựng, trong đó có 31 năm làm việc tại Vinaconex 25.

Tỷ lệ cổ phần đang nắm giữ 48.435 cp, chiếm 0,80% vốn hiện có.

Nhiệm kỳ báo cáo về Quản trị Công ty



Ông Phạm Bài Trung

Thành viên HĐQT, Phó TGĐ phụ trách xây lắp. Ông Trung đã có trên 21 năm công tác trong ngành xây dựng và làm việc tại Vinaconex 25.

Tỷ lệ cổ phần đang nắm giữ 31.200 cp, chiếm 0,52% vốn hiện có.

Nhiệm kỳ báo cáo về Quản trị Công ty

BAN KIỂM SOÁT:



Ông Nguyễn Thanh Tuấn – Trưởng Ban kiểm soát, ông Tuấn có thời gian Trưởng Ban kiểm soát của Tổng Công ty CP Vinaconex. Ông Tuấn đã có trên 30 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, kiểm toán.

Tỷ lệ cp đang nắm giữ 12.500 cp, chiếm 0,21% vốn hiện có.

Nhiệm kỳ báo cáo về Quản trị Công ty



Ông Bùi Phước Hưng – Thành viên Ban kiểm soát, ông Hưng đã có trên 18 năm công tác trong ngành xây dựng và làm việc tại Vinaconex 25.

Tỷ lệ cp đang nắm giữ 19.700 cp, chiếm 0,32% vốn hiện có.

Nhiệm kỳ báo cáo về Quản trị Công ty



Ông Tô Trung An – Thành viên Ban kiểm soát, ông An đã có trên 8 năm công tác trong ngành xây dựng và làm việc tại Vinaconex 25.

Tỷ lệ cp đang nắm giữ 7.047 cp, chiếm 0,12% vốn hiện có.

CÁC THÀNH VIÊN BAN NIÊN HẠNH:**Ông Trình Văn Thái**

Thành viên HĐQT, nông thời lao Tổng Giám đốc niên hạnh. Ông Thái đã có trên 34 năm công tác trong ngành xây dựng, trong đó có 31 năm làm việc tại Vinaconex 25. Tyulã cổ phần hàng năm gần 99.810 cp, chiếm 1,66% vốn niên là ông Thái nông thời lao người đã diễn quán lý vốn của Tổng Công ty CP Vinaconex tại Vinaconex 25 với tyulã 1.140.000 cp, chiếm 19% vốn niên là. Nông thời lao vào Quản trò Công ty.

**Ông Nguyễn Xuân Nhân**

Thành viên HĐQT, nông thời lao Phó TGĐ phụ trách nhân sự, Hạnh chính; Ông Nhân nông thời lao Bí thư Đảng ủy Chủ tịch Công đoàn Công ty. Ông Nhân đã có 32 năm công tác trong ngành xây dựng, trong đó có 31 năm làm việc tại Vinaconex 25. Tyulã cổ phần hàng năm gần 48.435 cp, chiếm 0,80% vốn niên là. Nông thời lao vào Quản trò Công ty.

**Ông Phạm Bài Trung**

Thành viên HĐQT, nông thời lao Phó TGĐ phụ trách xây lắp. Ông Trung đã có trên 21 năm công tác trong ngành xây dựng và làm việc tại Vinaconex 25. Tyulã cổ phần hàng năm gần 31.200 cp, chiếm 0,52% vốn niên là. Nông thời lao vào Quản trò Công ty.



Ông Nguyễn Văn Trung – Phó TGĐ thông trực. Ông Trung đã có trên 14 năm công tác trong ngành xây dựng và làm việc tại Vinaconex 25. Tyulã cp hàng năm gần 190.000 cp, chiếm 3,17% vốn niên là. Nông thời lao vào Quản trò Công ty.



Ông Nguyễn Ninh Thiệu – Phó TGĐ. Ông Thiệu đã có trên 31 năm công tác trong ngành xây dựng và làm việc tại Vinaconex 25. Tyulã cp hàng năm gần 22.530 cp, chiếm 0,38% vốn niên là.



Ông Nguyễn Thanh Hải – Kế toán trưởng. Ông Hải đã có trên 34 năm công tác trong lĩnh vực tài chính, trong đó trên 31 năm làm việc tại Vinaconex 25. Tyulã cp hàng năm gần 21.830 cp, chiếm 0,36% vốn niên là. Nông thời lao vào Quản trò Công ty.

2014:

Có 03 công trình đạt giải Công trình chất lượng cao

Nhất thời hạn cao nhất về chi số thanh toán

Top 85 Doanh nghiệp tiêu biểu thành phố Cần Thơ; 20 DN hàng đầu nhiều nhất

Top 10 doanh nghiệp CBTT minh bạch trên thị trường chứng khoán HNX

Top 500 DN tăng trưởng tốt nhất





CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN 2015 – 2020

Lao nhàn và dẫn đầu các nền và cung ngành nghề và việc làm bảo vệ nền việc làm cho người lao động với mức thu nhập ngày càng cao, chăm lo tốt đời sống tinh thần và các quyền lợi chính đáng khác của người lao động (học tập, tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng), nâng bảo quyền lợi ngày càng cao cho công nhân và làm tốt an sinh xã hội

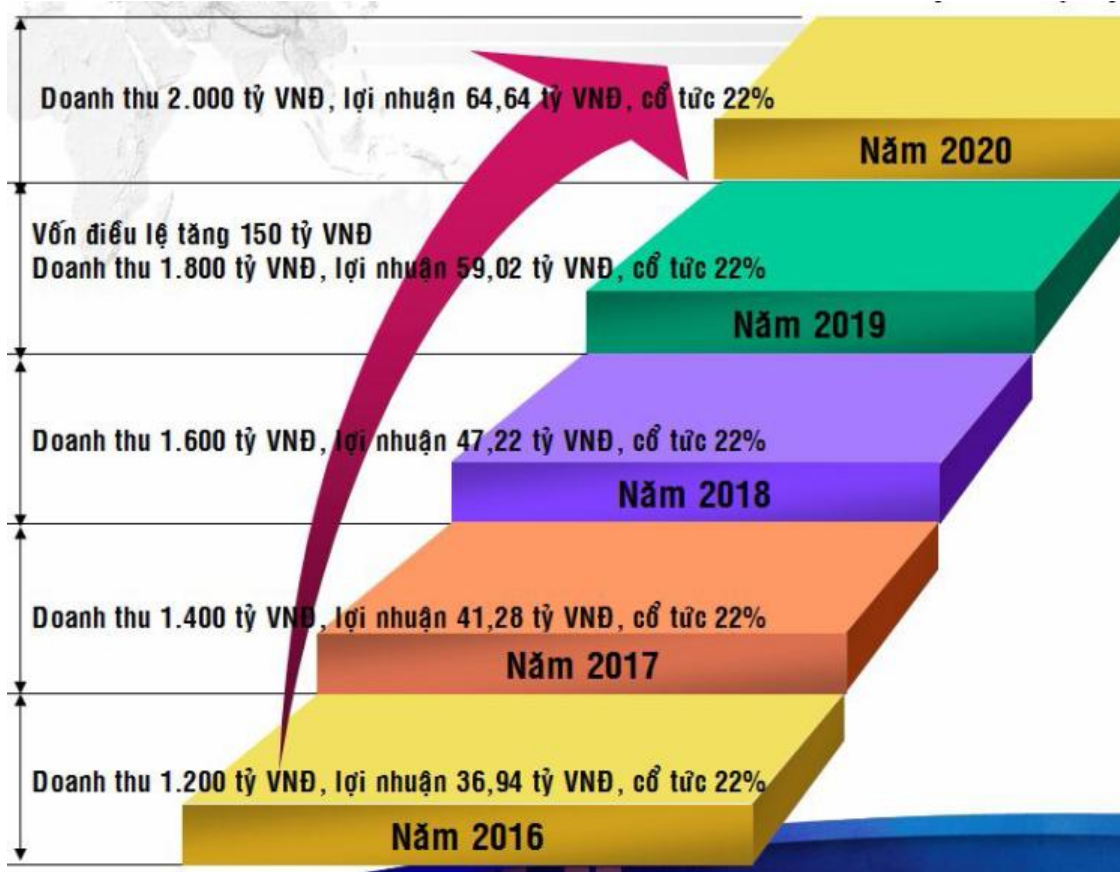
Xác định lĩnh vực kinh doanh

- **Xây lắp:** Tập trung vào công trình cao tầng, công trình có yêu cầu kỹ thuật cao, công trình công nghiệp; các công trình hạ tầng, giao thông.
- **Nhà ở:** Ưu tiên nhà ở và lĩnh vực tái dựng nhà ở theo nhu cầu nhà ở cho người lao động (cán bộ - khách sạn thông minh - dịch vụ...) và các dịch vụ khác liên quan trong chuỗi giá trị của Công ty (không nhà ở ngoài ngành).
- **Vật liệu ngành xây dựng:** Sản xuất kinh doanh các loại vật liệu ngành xây dựng.



- 1** Xây dựng: Đủ năng lực thi công công trình có chiều cao tương đương 70 tầng, 5 tầng hầm; các công trình có mức độ thẩm mỹ tương đương khách sạn 5 sao; các công trình hạ tầng có quy mô đến 300 tỷ VNĐ
- 2** Đầu tư: Năng lực quản lý cùng lúc tối thiểu 3 dự án có quy mô từ 300 - 500 tỷ VNĐ, đảm bảo an toàn vốn và hiệu quả. Đầu tư trong lĩnh vực dịch vụ đảm bảo tận dụng một cách hiệu quả các nguồn lực trong chuỗi giá trị của Công ty
- 3** Vật liệu ngành xây dựng: Là nhà sản xuất bê tông thương phẩm, sản xuất đá xây dựng hàng đầu miền Trung





Dãi an: Khu phức hợp FPT Complex – GÑ1

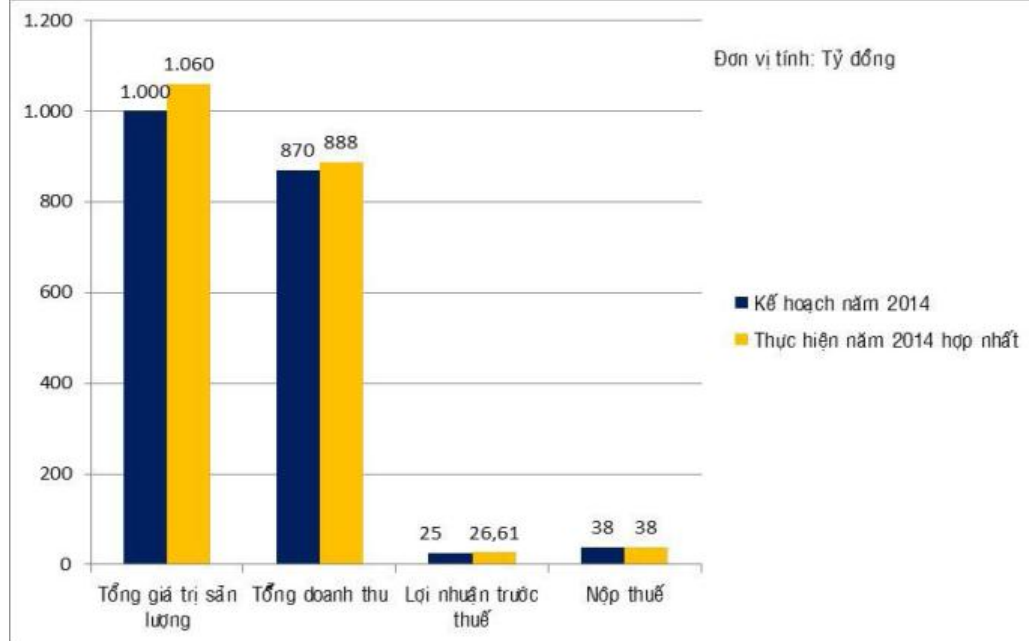


HOẠT ĐỘNG CỦA BAN NIỆM HÀNH

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG 2014 CỦA BAN NIÊN HÀNH

I. Các chỉ tiêu năm 2014:

Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị	Kế hoạch năm 2014	Thực hiện năm 2014	% TH/ KH 2014	% Tăng trưởng
Tổng giá trị SXKD	Tr. nghìn	1.000.000	1.060.402	106%	117%
Tổng doanh thu	Tr. nghìn	870.000	887.554	102%	113%
Lợi nhuận trước thuế	Tr. nghìn	25.000	26.614	106%	80%
Lợi nhuận sau thuế	Tr. nghìn	19.500	20.620	106%	121%
Công nợ	%	18%	20%	111%	111%
Năng lực phát triển	Tr. nghìn	72.885	51.127	70%	148%



II. Nhìn lại

Tổng thanh viên BÑH đã bám sát nhiệm vụ, chủ động trong giải pháp toà chức nhiều hành công việc hiệu quả thể hiện tốt hơn vai trò dẫn dắt, bổ khuyết cho nhau.

BÑH luôn tuân thủ toà chức thực hiện và hoàn thành hiệu quả theo hướng Nghị quyết của NHNCN, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Trong nội các chỉ tiêu nêu ra vượt kế hoạch đã cam kết; toà chức cũng bổ các giải pháp và công trình tình lực và phát triển nội ngoại quan trọng minh bạch, môi trường hòa ban và phân khúc thị trường, thiết lập các nội tài chiến lược chuẩn bị cho lộ trình phát triển của Công ty giai đoạn 2015 - 2020, công tác sức khỏe, an toàn, môi trường và trách nhiệm xã hội, phong trào thi đua, các hoạt động của toà chức Năng, Nỗ lực thể

Tại Hội nghị Tổng kết hoạt động SXKD năm 2014, ông Trần Văn Thái phát biểu: Với chiến lược phát triển hợp lý thiết lập mục tiêu rõ ràng, phát triển nội ngoại nhân sự tinh nhuệ tập trung vào công việc, làm chủ thị trường sẽ là nhân tố quyết định cho sự phát triển của Công ty.

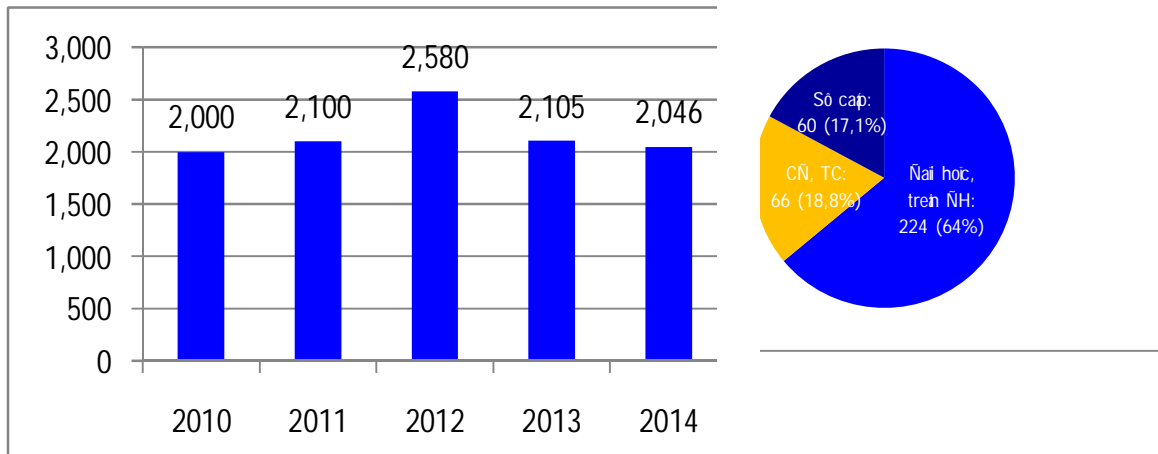
NGUỒN NHÂN LỰC

NĂM	Số lượng			(Tỷ lệ %)	
	Tổng giảm tiếp	Khoá Kỹ thuật	Ngành khác	Khoá Kỹ thuật	Ngành khác
2004	164	121	43	73.8%	26.2%
2010	328	200	128	61.0%	39.0%
2011	352	198	154	56.3%	43.8%
2012	336	184	152	54.8%	45.2%
2013	332	189	143	56.9%	43.1%
2014	350	209	141	59.7%	40.3%

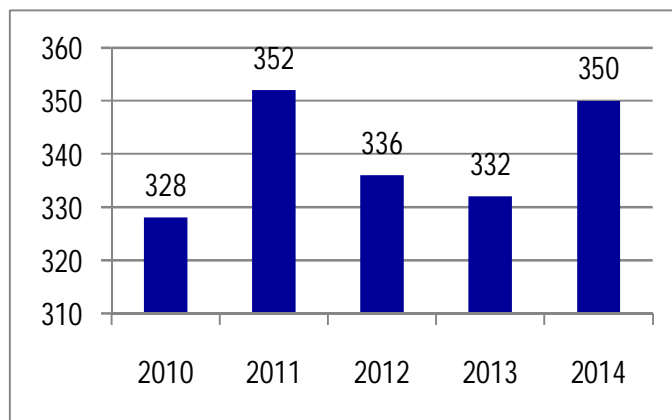
2.046

Tổng số lao động sồi
đang bình quân năm
2014

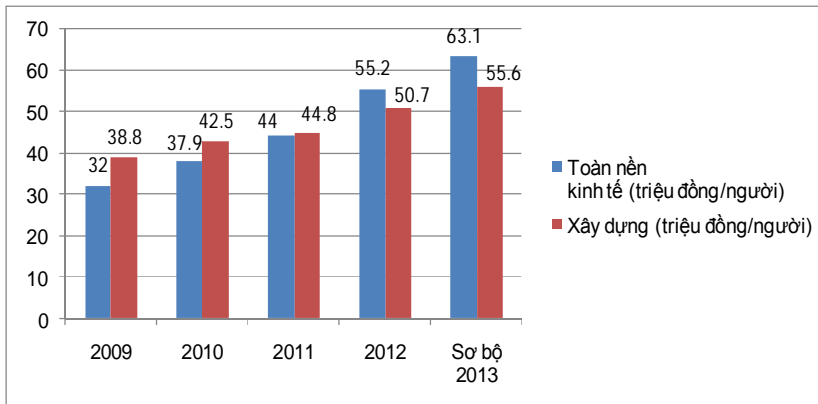
Số sinh lao động bình quân (nguồn):



Lao động giảm tiếp bình quân (nguồn):



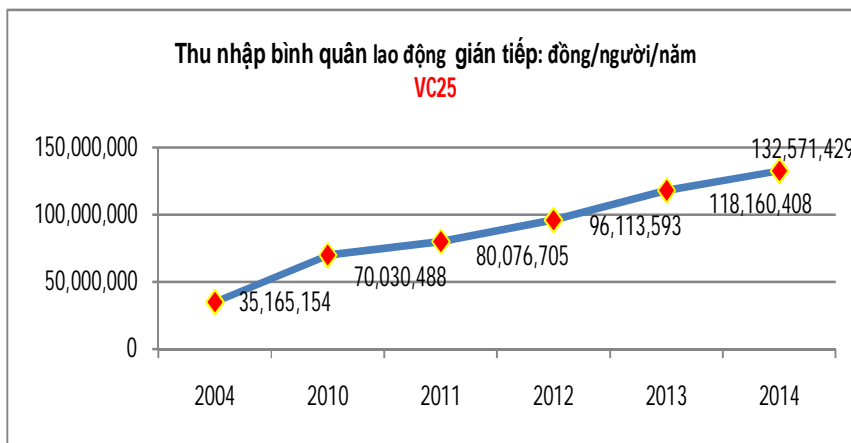
Năng suất lao động:



Nguồn: Theo số liệu của Tổng cục thống kê

Năng suất lao động của Công ty:

TT	TIÊU CHÍ	2010	2011	2012	2013	2014
1	Sản lượng (Nông)	519,000,000,000	770,000,000,000	859,184,826,501	908,988,476,362	1,060,000,000,000
2	Doanh thu (Nông)	423,000,000,000	707,000,000,000	756,758,665,343	835,180,187,637	887,600,000,000
3	Tổng lao động gián tiếp (Người)	328	352	336	332	350
4	Tổng quy mô lương gián tiếp (nông)	22,970,000,000	28,187,000,000	32,294,167,267	39,229,255,550	46,400,000,000
5	Tỷ lệ Quy mô lương/doanh thu (%)	5.43%	3.99%	4.27%	4.70%	5.23%
6	Thu nhập bình quân gián tiếp (nông)/năm	70,030,488	80,076,705	96,113,593	118,160,408	132,571,429
7	Năng suất 01 người cho ra SL/năm	1,582,317,073	2,187,500,000	2,557,097,698	2,737,917,097	3,299,742,857
8	Tỷ lệ NS 1 người/sản lượng	4.43%	3.66%	3.76%	4.32%	4.02%
9	Năng suất 01 người cho ra DT/năm	1,289,634,146	2,008,522,727	2,252,257,933	2,515,602,975	2,896,220,000
10	Tỷ lệ NS 1 người/doanh thu	0.30%	0.28%	0.30%	0.30%	0.33%



16,5

Lao động số tháng tiền lương mà CBCNV nước nhận năm 2014

HOẠT ĐỘNG NĂM TỐ



Giải thưởng năm tốt năm 2014



Dự án VietinBank Nha Trang



Trung tâm VHTT và DL miền Trung – Tây nguyên





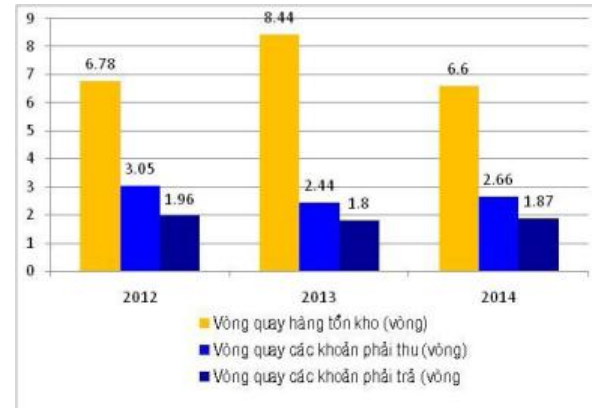
TAI CHÍNH

Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	569.447.465.763	601.411.642.042	5,61%
Doanh thu thuần	784.019.405.762	882.194.843.526	12,52%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	32.496.094.075	23.578.570.162	-27,44%
Lợi nhuận khác	679.692.433	3.035.164.127	346,55%
Lợi nhuận sau thuế	17.711.258.305	20.620.024.043	16,42%
Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế	60,98%	58,20%	-4,56%

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

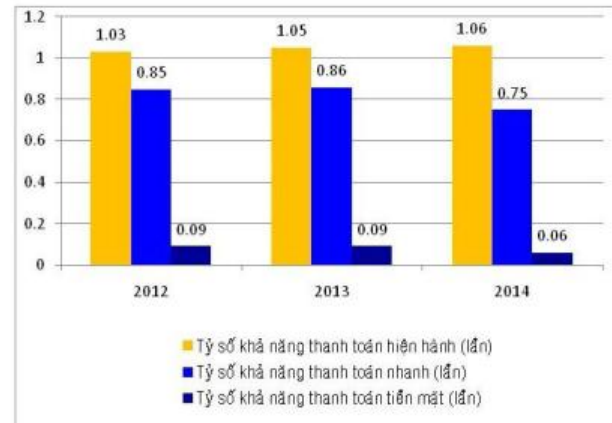
Các chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,05	1,06
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,86	0,75
Chỉ tiêu về cấu trúc vốn		
+ Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,81	0,81
+ Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	4,77	4,82
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho	8,44	6,60
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1,38	1,47
Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	2,3%	2,3%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	18,3%	20,4%
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	3,1%	3,4%
+ Hệ số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/Dthu thuần	4,1%	2,7%

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Vòng quay hàng tồn kho (vòng)	6,78	8,44	6,60
Vòng quay các khoản phải thu (vòng)	3,05	2,44	2,66
Vòng quay các khoản phải trả (vòng)	1,96	1,80	1,87



Hệ số thanh toán:

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Tỷ số khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1,03	1,05	1,06
Tỷ số khả năng thanh toán nhanh (lần)	0,85	0,86	0,75
Tỷ số khả năng thanh toán tiền mặt (lần)	0,09	0,09	0,06



Phân tích cơ cấu vốn:

Chỉ tiêu	2012	2013	2014
Tài sản ngắn hạn (%)	82,82	84,89	85,08
Tài sản dài hạn (%)	17,18	15,11	14,92
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (%)	100,00	100,00	100,00
Nội ngắn hạn (%)	80,23	80,70	80,41
Nội dài hạn (%)	1,07	0,27	0,74
Tổng nội phải trả (%)	81,30	80,97	81,15
Vốn chủ sở hữu (%)	18,52	16,99	16,84
Lợi ích có nguồn thiếu số (%)	0,18	2,05	2,01
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (%)	100,00	100,00	100,00

CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN NIÊN HÀNH 2015

Trên cơ sở Chiến lược phát triển giai đoạn 2015 - 2020 của HNQT, BNH thiết lập các hoạt động của Công ty năm 2015 như sau:

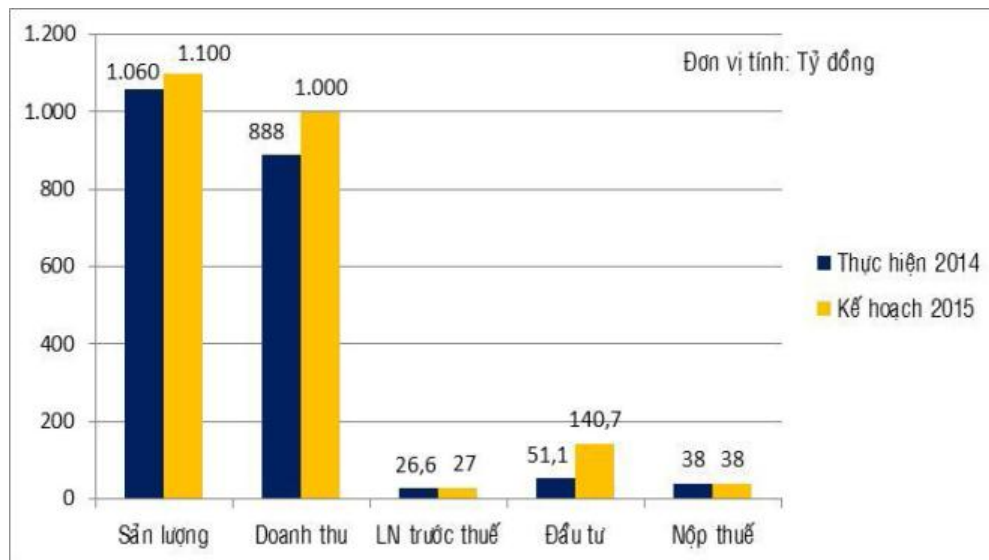
1. **Phông chiến năm 2015: “Hoan thiển Vạn hoàn và Thông hiểu”**

2. **Mục tiêu:**

Hoan thanh vượt một tỷ triệu 5% các chỉ tiêu về Sản lượng, Doanh thu, Thu nhập vốn. Năm bảo các quyền lợi của công nhân với một cơ cấu đời kiến 22%, có việc làm ổn định cho trên 2.000 người lao động, thu nhập và các quyền lợi khác cao hơn năm 2014. Chuẩn bị nguồn công việc chuyển tiếp sang năm 2016 với giá trị trên 1.000 tỷ đồng.

3. **Các chỉ tiêu:**

Các chỉ tiêu chủ yếu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2014	Kế hoạch năm 2015	% Tăng trưởng
Tổng giá trị SXKD	Tr.đồng	1.060.402	1.100.000	104%
Tổng doanh thu	Tr.đồng	887.554	1.000.000	113%
Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	26.614	27.000	101%
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	20.620	21.427	104%
Cơ cấu		20%	22%	110%
Nộp ngân sách Nhà nước	Tr.đồng	37.972	38.000	100%
Nguồn tài trợ	Tr.đồng	51.127	140.707	275%



4. **Các hoạt động ưu tiên năm 2015:**

4.1 **Niên hành:**

- Tập trung hoàn thành tốt nhiệm vụ trong Ban niên hành.
- Hoàn thiện Hệ thống quản trị theo chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2015 - 2020.

- Các Phòng chức năng phải làm tốt hơn nữa nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn hoá trị nền vì, tham mưu cho BÑH. Nâng cao vai trò làm việc toạ nhóm, các biệt lập khai năng dẫn dắt và tối chịu trách nhiệm của nhóm trưởng.

4.2 Toà chức - Nhân sự

- Cơ cấu lại các Phòng, ban chức năng theo tổng lĩnh vực hợp lý
- Cơ cấu các nền vì xây lập theo hình hướng chiến lược của tổng thì trưởng.
- Phát triển lực lượng nhân sự coi trọng năng lực - tri thức - tố duy trì trước, nuôi dưỡng lực dẫn dắt theo hình hướng chiến lược về phân khúc tổ nhân, nội ngoại, thì trưởng môi trong nội, ngoại nội, các hoạt động liên quan trong chuỗi giá trị của Công ty.
- Thu hút lực lượng công nhân trực tiếp coi trọng năng lực tay nghề coi uy tín, khai năng thu hút bổ sung bên chế chức danh toà trưởng thì công.

4.3 Thì trưởng - việc làm:

- Làm chủ các thì trưởng truyền thống, tham nhập sâu thì trưởng nhà môi riêng, gia nhập vào thì trưởng môi trong phạm vi cái nội, chuẩn bị các nội kiến môi riêng thì trưởng nội ngoại.
- Tháng đầu trong năm 2015 đạt 1.500 tỷ đồng, giải trừ công việc chuyển tiếp sang năm 2016 đạt 1.000 tỷ đồng.

4.4 Tài chính:

- Thực hiện các giải pháp về tăng vốn nội là từ 60 tỷ lên 120 tỷ đồng. Thanh lý những tài sản nếu bổ sung nguồn vốn kinh doanh. Hợp tác với các nội tài chiến lược thu hút nguồn vốn; thực hiện thoái vốn tại Công ty CP Meico...
- Mức độ nổi tin dùng ngân hàng nên 31/12/2015 không vượt quá 10%/tổng doanh thu.

4.5 Nhà tô: Tổng giá trị nhà tô 2015: 140.707.418.046 đồng

4.5.1 Dữ an Nhà tô năng triển khai và phân kỳ nhà tô cho năm 2015: 63.685.667.000 đồng

- Hai tầng khu nhà số 3, Năm Nam Năm Ngoc.
- Hoàn thiện hai tầng và thiết bị của Nhà máy bê tông Vinaconex 25 theo chiến lược phát triển nên năm 2020 đạt 200.000m³ /năm.
- Di dời, nhà tô hoàn thiện hai tầng kỹ thuật và thiết bị Môi nhà Vinaconex 25 năm bảo cung cấp Nhà xây dựng cho các dữ an hai tầng KCN Bắc Chu Lai - Quảng Nam, KCN VSIP - Quảng Ngãi, nông cao tốc Nhà Ngang – Quảng Ngãi (theo chiến lược nên năm 2020).
- Thiết bị thì công xây lập gồm: Ván thang tải, Ván thang lỏng, Sàn năng ngoại, Cầu thang leo tầng, Cầu tối hành (loại 15 và 40 tấn).

4.5.2 Những Dữ an nhà tô giai đoạn 2015-2020: Năm 2015: 77.021.751.046 đồng

- Dữ an Về khớp nối giữa khu nhà số 3 và Trường Nông An
- Triển khai công tác nhà tô dữ an Khu nhà Nam cầu Trần Thì Lý
- Các dữ an nhà tô khác theo chuỗi giá trị của Công ty.

4.6 Năm bảo quyền lợi các bên hữu quan:

- Triển khai thực hiện việc ứng dụng tiêu chuẩn an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001; kiểm soát hiệu quả hơn những rủi ro về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động.
- Thông hiểu, lợi ích của Công ty phải được thực hiện theo cơ chế quản trị: Chất lượng cho sản phẩm - dịch vụ khách hàng luôn cải tiến – quan hệ kinh doanh bình đẳng với Nhà cung cấp - an toàn cho con người - an toàn cho môi trường - tiết kiệm chi phí.
- Năm bảo công việc làm thông xuyên, ổn định cho trên 2.000 người lao động với mức thu nhập ngày càng cao, chăm lo tốt đời sống tinh thần và các quyền lợi chính đáng khác của người lao động (học tập, tham quan, du lịch, nghỉ dưỡng).
- Năm bảo quyền lợi ngày càng cao cho cả người lao động và làm tốt an sinh xã hội.
- Chính sách xã hội, các hoạt động công nhân.

4.7 Hoàn thiện Văn hoá Công ty:

- Hệ thống lại những giải pháp chuẩn mực văn hoá của Công ty trong suốt quá trình phát triển nhà xây dựng, thực hiện báo quy tắc ứng xử văn hoá nội bộ trong của Vinaconex 25. Trong nội tập trung vào 3 tiêu chí: Tính kỷ luật, thái độ ứng xử có chế quản trị.



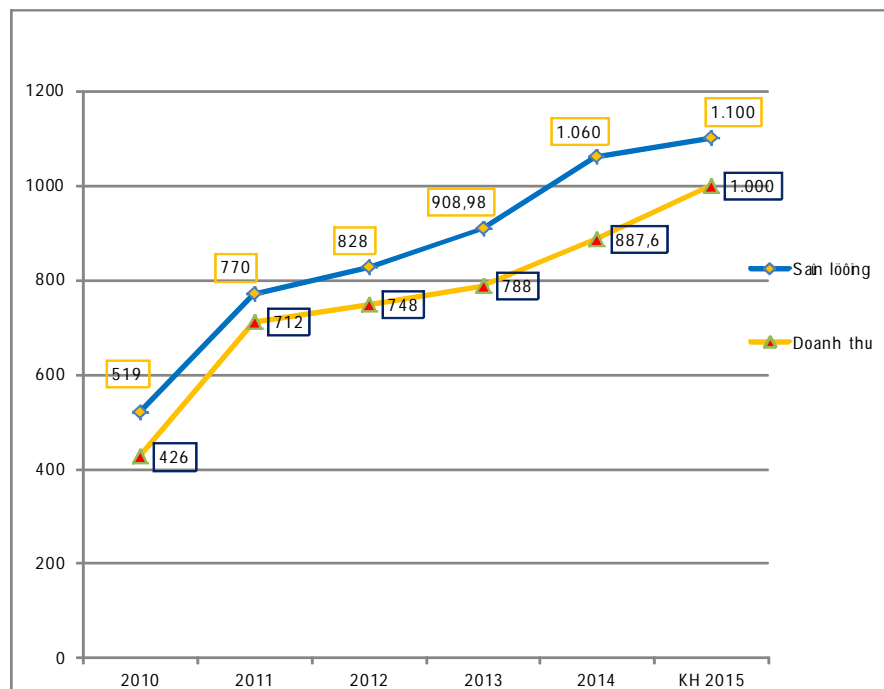


HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI NÔNG QUÂN TRÒ

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ
BÁO CÁO NĂNH GIÀU CỦA HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ NHIỆM KỶ 2010 – 2015:

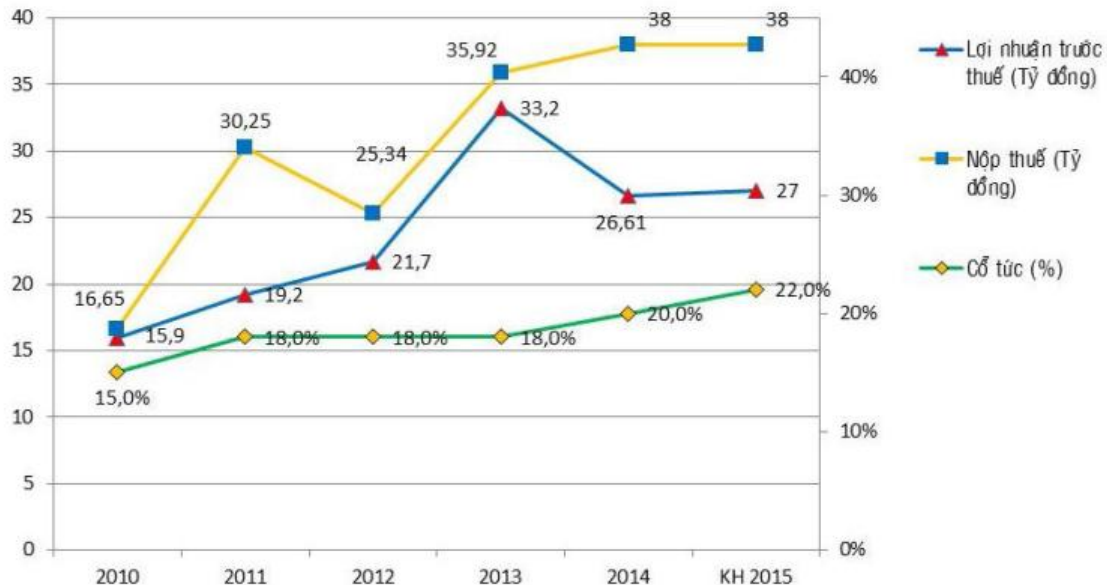
I. Năng suất hoạt động HNTQT nhiệm kỳ 2010 – 2015:

Chỉ tiêu chính	Đơn vị tính	NHHCN 2010 thông qua: năm 2015	Thực hiện					KH 2015
			2010	2011	2012	2013	2014	
Sản lượng	Tỷ đồng	1.200	519	770	828	908,98	1.060	1.100
Doanh thu	Tỷ đồng	960	426	712	748	788	887,6	1.000
Vốn đều lái	Tỷ đồng	60	60	60	60	60	60	120
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng		15,9	19,2	21,7	33,2	26,61	27
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng		11,9	13,8	16,3	17,1	20,62	21,4
Tỷ suất LNTT/DT	%	3,5	3,7	2,7	2,9	4,2	3,0	3,0
Nợ thuế	Tỷ đồng		17,10	31,88	28,54	40,32	37,97	38
Cố tức	%	15	15	18	18	18	20	22
Lao động	Người		2.000	2.100	2.580	1.940	2.040	2.080
Thu nhập bình quân	Triệu đồng	Tăng 10-15%/ năm	3,34	3,9	4,57	5,9	6,7	6,8
Hoạt động xã hội	Triệu đồng		104	717,7	770,2	760,7	1.047,25	4.502,5



Sản lượng, Doanh thu từ 2010 - 2015

**BIỂU ĐỒ TĂNG TRƯỞNG LỢI NHUẬN - NỘP THUẾ - CỔ TỨC
GIAI ĐOẠN 2010 - 2015**



II. Các hoạt động chính: Nhiệm kỳ 2010 - 2015, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty lao động ngoài trời “tâm ảnh hưởng” sâu rộng cả về uy tín, số tín nhiệm, lẫn trình độ năng lực, tố duy nhất đạt nổi người

1. **Hoạch định:** Chính sách, chiến lược và hình thức các giải pháp trên cơ sở các mục tiêu dài hạn của công ty; thiết lập các chỉ tiêu, mục tiêu ngắn hạn giải quyết các hoạt động của Công ty, các nhà thời trang, quản lý giám sát và kiểm soát kế hoạch hàng năm.
2. **Năng hành:** Các thành viên HĐQT am hiểu sâu rộng mọi hoạt động của Công ty, thông qua xuyên suốt tình hình SXKD nên đưa ra các quyết định chiến lược, các nhà thời trang, giải quyết kịp thời những công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT, những khó khăn, vướng mắc, nên xuất kiến nghị của Ban điều hành; HĐQT luôn thể hiện vai trò dẫn dắt, chia sẻ công việc khi BNVH cần sự hỗ trợ.
3. **Kiểm soát:** Nên xây dựng và hoàn thiện hệ thống quản trị Công ty, quy trình công việc nên giám sát, nên giải quyết các vấn đề điều hành của Ban điều hành trên tổng lĩnh vực, với các chỉ tiêu chi phí hợp lý tổng giá trị, trong nội bộ tập trung vào kết quả các chỉ tiêu kinh doanh, bảo toàn và phát triển nguồn vốn, thị trường - việc làm, uy tín - thông tin, chất lượng nội bộ chính sách nhân sự, sức khỏe - an toàn - môi trường - hoạt động xã hội.

Nguyên tắc làm việc: HĐQT nên thời trang nhiệm vụ với tinh thần can thiệp trong các quyết định của mình để tổng hành động, với thái độ nghiêm túc, hợp lý hoạt động vì lợi ích cao nhất của Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, nhất là cổ đông thiểu số

Kết quả

Giới thiệu thị trường miền Trung - Tây Nguyên, môi trường nhà bán Tp.HCM, chuẩn bị các nguồn lực môi trường thị trường nước ngoài: Nên thời trang cao nhất về các số thanh toán-

- Chương trình Nâng giải năng lực hoạt động doanh nghiệp VN 2014, Top 100 DN phát triển bền vững nhất VN, Top 100 doanh nghiệp tiêu biểu Tp. Hồ Chí Minh.
- o Nâng thiết lập hệ thống và thực hiện quản trị Công ty theo hướng minh bạch, phù hợp với xu thế phát triển của Công ty và tiêu chuẩn quản trị Công ty trong doanh nghiệp Nhà nước (theo Báo Hướng dẫn của OECD). Là Top 10 DN CBTT minh bạch trong năm 2013, 2014 trên thị trường chứng khoán HNX.
 - o Phát triển - tăng trưởng bền vững:
 - Các chỉ tiêu sản lượng, doanh thu tăng cao (tăng 20% năm). Đây là mức tăng rất cao so với mức bình quân trong toàn ngành xây lắp.
 - Lợi nhuận trước thuế tăng 157% (bình quân hàng năm tăng 15,5%).
 - Bảo toàn và phát triển vốn tốt, sử dụng linh hoạt các nguồn tài chính nội doanh vốn kinh doanh an toàn (tỷ lệ nội/tổng nguồn vốn giới hạn mức trung bình 80%, nợ vay ngắn hạn bình quân năm chiếm 10%/doanh thu); kinh doanh có hiệu quả (hiệu quả này nhờ Hoạt động tổ quản trị Công ty của HNX nâng giải trên 2 tiêu chí: các chỉ tiêu tài chính nội kiểm toán của Tổ chức kiểm toán Deloitte: ROA trên 3,5%, ROE trên 18,5% và hiệu quả thị trường: tỷ suất giao dịch thị trường và giải trừ số sách M/B của Công ty >1). Vốn hoạt động hiện tại của Công ty là 96,60 tỷ đồng (nhờ nỗ lực giải trừ logarithm của tổng tài sản Công ty).
 - o Phát triển nội nguồn bổ toàn tâm toàn vì sự phát triển của Công ty, với ý chí quyết tâm cao, khai thác vốn lãi mạnh mẽ ý chí tối lợi tối công, trách nhiệm, sử dụng tài sản và năm mẽ sáng tạo.
 - o Vai trò của các bên hữu quan:
 - Năm bảo công việc làm thông xuyên, ổn định cho trên 2.000 người lao động. Thu nhập và an sinh phúc lợi của người lao động năm sau luôn cao hơn năm trước. Là Top 300 Nhà tuyển dụng hàng đầu VN.
 - Ứng dụng tiêu chuẩn quốc tế về an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001: Công ty kiểm soát những rủi ro về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động, hoàn thiện tích hợp hệ thống ISO 9001-2008 về chất lượng cho sản phẩm - an toàn cho con người - an toàn cho môi trường - tiết kiệm chi phí.
 - Chính sách xã hội, các hoạt động công đồng thực hiện thiết thực, có ý nghĩa nhân văn. Là doanh nghiệp nước đầu tiên chính quyền, hội đoàn thông xuyên giới thiệu khen ngợi và công tác tốt nhất xã hội.
 - o Tuân thủ và thực hiện nghiêm túc Hiến pháp và Luật Công ty, Nghị quyết của NHNCN.
 - o Thuê Doanh nghiệp có nhiều năm góp vốn cho ngân sách thành phố Hồ Chí Minh.
 - o Các công đồng nước tạo nên kiến thực hiện các quyền công dân và công đồng cung cấp thông tin này kịp thời. Chi trả công đồng nung cam kết.

Kết luận: HNQT Công ty nhiệm kỳ 2010 - 2015 nước nhất ra trong bối cảnh thị trường có những diễn biến phức tạp. Bằng nỗ lực và năng lực đội ngũ, đội ngũ nung nắn, coi trọng, HNQT đã xác lập các mục tiêu phù hợp với nước; với những cố gắng vốn lãi mạnh mẽ ý chí tối lợi tối công. Chúng tôi - Tập thể người lao động Vinaconex 25 năm luôn không ngừng quyết tâm - phấn đấu hoàn thành vượt mức các mục tiêu chiến lược năm cam kết trước công đồng năm 2010. Thành công của giải pháp này, HNQT nước rút ra những yếu tố sau: Nội nguồn bổ

toàn tâm toàn ý vì sự phát triển của Công ty, bằng niềm tin vững chắc, với ý chí quyết tâm cao, khát vọng vươn lên mạnh mẽ, ý chí tối lĩnh tối công, trách nhiệm, sẵn sàng vượt năm mưa nắng.

Nhiệm kỳ 2010 - 2015 đã qua, Vinaconex 25 vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng. Nếu coi cách nhìn hướng dẫn về Vinaconex 25 cho giai đoạn mới có nhiều yếu tố ảnh hưởng trực tiếp đến sự phát triển của mình thì dù Vinaconex 25 đã thành công thời gian qua và có những tiềm năng, tiềm lực thuận lợi thì cũng cần có một chiến lược - chính sách phát triển hợp lý. Bởi, thành công trong quá khứ không phải là một sự đảm bảo vững chắc cho tương lai. Vì vậy, HĐQT nhiệm kỳ tiếp theo nhìn nhận xu thế này nhờ một tài yếu để có những cách thức tổ chức thực hiện chiến lược phát triển của Công ty giai đoạn 2015 - 2020.



Đôi ảnh: Cuộc Hải quan Nhà Nước

**HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2015
THAY NỘI THÀNH VIÊN HĐQT QUẢN TRỊ:**

Từ 01/01/2014 đến ngày 10/10/2014:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Võông Công Sơn	CT.HĐQT
2	Ông Ninh Việt Tung	Thành viên HĐQT
3	Ông Trình Văn Thất	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Xuân Nhân	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Bài Trung	Thành viên HĐQT

05

Thành viên HĐQT

Từ ngày 10/10/2014 đến hết nhiệm kỳ 2015:

TT	Thành viên HĐQT	Chức vụ
1	Ông Võông Công Sơn	CT.HĐQT
2	Ông Nguyễn Trọng Quỳnh	Thành viên HĐQT
3	Ông Trình Văn Thất	Thành viên HĐQT
4	Ông Nguyễn Xuân Nhân	Thành viên HĐQT
5	Ông Phạm Bài Trung	Thành viên HĐQT

Lý do thay nội nhân sự: Tổng Công ty CP Vinaconex thay nội nhân sự để đáp ứng phân bổ vốn góp tại Công ty CP Vinaconex 25. Doanh nghiệp đã thực hiện việc CBTT bắt buộc theo hướng quy định.



CÁC CUỘC HỌP HŨQT

Họp Phiên thông kỳ

TT	Thành viên HŨQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Võng Công Sơn	CT.HŨQT	4	100%	
2	Ông Ninh Việt Tung	UV.HŨQT	3	75%	Miễn nhiệm từ ngày 10/10/2014
3	Ông Ngô Trọng Quỳnh	UV.HŨQT	2	50%	Bầu thay thế từ 10/10/2014
4	Ông Trình Văn Thái	UV.HŨQT	4	100%	
5	Ông Nguyễn Xuân Nhân	UV.HŨQT	4	100%	
6	Ông Phạm Bài Trung	UV.HŨQT	4	100%	

Họp bất thường thông qua các vấn đề thuộc thẩm quyền:

TT	Thành viên HŨQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Ghi chú
1	Ông Võng Công Sơn	CT.HŨQT	7	100%	
2	Ông Ninh Việt Tung	UV.HŨQT	5	71%	Miễn nhiệm từ ngày 10/10/2014
3	Ông Ngô Trọng Quỳnh	UV.HŨQT	0	0%	Bầu thay thế từ 10/10/2014
4	Ông Trình Văn Thái	UV.HŨQT	7	100%	
5	Ông Nguyễn Xuân Nhân	UV.HŨQT	7	100%	
6	Ông Phạm Bài Trung	UV.HŨQT	7	100%	

Ông Ninh Việt Tung do bận công tác nên không tham dự cuộc họp và đã coi ủy quyền cho thành viên khác theo Nội lệ Công ty.

Các cuộc họp bất thường được tổ chức trước khi Ông Ngô Trọng Quỳnh được bầu thay thế vào 10/10/2014.

NGUYÊN TẮC LÀM VIỆC CỦA HĐQT:

1. HĐQT luôn thực hiện nhiệm vụ với tinh thần cẩn trọng trong các quyết định của mình để tổng hành phòng, với thái độ nỗ lực, hợp lý hoạt động vì lợi ích cao nhất của Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, nhất là cổ đông thiểu số
2. Thành viên Hội đồng quản trị chủ động xây dựng chương trình công tác, thực hiện công việc theo lĩnh vực được phân công; trình ký báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về kết quả công việc, chương trình công tác thuộc lĩnh vực phụ trách; kiến nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị/Hội đồng quản trị xử lý giải quyết kịp thời các vấn đề phụ trách liên quan.

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐQT NỘI VỚI TỔNG GIÁM ĐỐC:

Theo hướng dẫn của Tổ chức hợp tác và Phát triển kinh tế (OSCD) và Quản trị Công ty trong doanh nghiệp Nhà nước, HĐQT đã phân công tổng thành viên phụ trách, chuyên viên giám sát hoạt động của TGDĐ và Ban điều hành trên các lĩnh vực sau:

Chủ tịch Hội đồng quản trị: Giám sát hoạt động của Công ty theo những các mục tiêu, chiến lược phát triển Công ty; việc sử dụng có hiệu quả các nguồn lực; giám sát hoạt động kiểm toán nội bộ và kiểm toán độc lập; kiểm soát dòng tiền, dòng vốn ngân hàng hợp lý mang lại hiệu quả tối ưu trong sử dụng vốn; giám sát các kết quả tài chính của Công ty; kiểm tra tính khai thi các đổi mới nội bộ, phòng ngừa rủi ro cho tổng đổi mới; giám sát việc thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát số tuần thuế của báo cáo nhiều hành nội với luật pháp và các quy chế nội bộ liên quan đến quản trị công ty; giám sát quan hệ với các bên có quyền lợi liên quan, trong nội bộ các cổ đông (nhất là cổ đông thiểu số).

Mỗi Ủy viên Hội đồng quản trị giám sát công tác quản trị rủi ro trên tổng lĩnh vực theo những mục tiêu, tạo lợi thế cạnh tranh, gia tăng giá trị cho cổ đông, nội tại, khách hàng và người lao động. Trong năm 2014, đã hóa ra những nguy cơ, tiềm ẩn rủi ro và biện pháp phòng ngừa nội với các rủi ro về môi trường kinh doanh, các năng lực cạnh tranh ngành, xu hướng hợp tác của nhà cung cấp...

Mỗi Ủy viên Hội đồng quản trị giám sát công tác sản xuất - kinh doanh: Các chỉ tiêu cuối của Công ty trong tổng ngành, quý năm; Giám sát công tác phát triển thị trường, việc làm; giám sát lĩnh vực xây dựng của Công ty; giám sát việc triển khai các đổi mới nội bộ;

Mỗi Ủy viên Hội đồng quản trị giám sát công tác công nhân, phong trào, thi đua, khen thưởng, an toàn, sức khỏe ngành nghề, môi trường và hoạt động xã hội.

Mỗi Ủy viên Hội đồng quản trị giám sát Chính sách nhân sự, lương, thưởng và các vấn đề kỹ thuật trong hoạt động của Công ty: Giám sát công tác xây dựng hệ thống quản trị nội bộ Công ty; quản trị nhiều hành phù hợp với quy mô hoạt động và hình hướng chiến lược phát triển của Công ty; giám sát công tác tổ chức - nhân sự, tiền lương, chế độ chính sách

nhà ngoài nước; phối hợp với Ủy viên Hội đồng quản trị phân công các phòng ban, thị trường, khen thưởng, hoạt động xã hội; giám sát công tác duy trì, phát triển vốn của Công ty; giám sát hoạt động mua bán, tài chính thị trường công trình, giám sát việc thực hiện công tác an toàn lao động; quản lý nghiên cứu, ứng dụng thiết bị, công nghệ trong thi công;

Kết quả giám sát: Tổng Giám đốc cùng Ban điều hành luôn tuân thủ và thực hiện các quy định theo những Nghị quyết của HĐQT, các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT về 07 nhiệm vụ chiến lược. Trong nội dung các chỉ tiêu nêu ra và vượt kế hoạch nhà thầu; tài chính công bố các giải pháp và công trình tình hình và phát triển nhà thầu quản lý minh bạch, môi trường nhà thầu và phân khúc thị trường, thiết lập các nhà thầu chiến lược chuẩn bị cho lộ trình phát triển của Công ty giai đoạn 2015 - 2020, công tác sức khỏe, an toàn, môi trường và trách nhiệm xã hội, phong trào thi đua, các hoạt động của tài chính Nhà, Nhà thầu

CÁC NGHỊ QUYẾT – QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT

STT	Số ký hiệu văn bản	Ngày tháng ban hành	Trích yếu nội dung
1	22 NQ/VC25-HĐQT	11/01/2014	Nghị Quyết thông qua chủ trương nhà thầu 02 xe chấu trên bê tông
2	35 NQ/2014/VC25-HĐQT	10/01/2014	Thông qua kết quả SXKD năm 2013, KH SXKD năm 2014 và Quy II/2014
3	36 NQ/2014/VC25-HĐQT	10/01/2014	Thông qua kết quả hoạt động của HĐQT năm 2013, chương trình công tác năm 2014
4	37 NQ/2014/VC25-HĐQT	10/01/2014	Thông qua kế hoạch nhà thầu năm 2014
5	38 NQ/2014/VC25-HĐQT	10/01/2014	NQ Thông qua kế hoạch bố trí nhân sự năm 2014
6	39 NQ/2014/VC25-HĐQT	10/01/2014	NQ Thông qua phòng an khai thác kinh doanh đời an KNT số 3 NNNN năm 2014
7	40 NQ/2014/VC25-HĐQT	10/01/2014	NQ Thông qua phòng an môi trường CB CNV Công ty mua nhà đời an KNT số 3 NNNN năm 2014
8	41 NQ/2014/VC25-HĐQT	10/01/2014	NQ Thông qua phòng an vay vốn và sử dụng vốn vay tại các ngân hàng phục vụ SXKD năm 2014
9	42 NQ/2014/VC25-HĐQT	10/01/2014	Thông qua kết quả năm giải quyết lương căn bản Quý IV/2013 và cuối năm 2013 khen thưởng những tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc năm 2013

10	43 NQ/2014/VC25-HÑQT	10/01/2014	NQ Thông qua thanh toán 20% tiền lương còn lại của các thành viên Ban điều hành, thuê/trồng các dôn và sản xuất theo kết quả hoàn thành các chỉ tiêu cam kết năm 2013
11	44 NQ/2014/VC25-HÑQT	10/01/2014	NQ Thông qua chương trình Nghề tết Giáp Ngọ năm 2014, ra quân năm 2014, thông Tết Giáp Ngọ năm 2014 cho các Thành viên HÑQT, BKS và người lao động
12	45 NQ/2014/VC25-HÑQT	10/01/2014	Thanh toán thu lao cho thành viên HÑQT, BKS, Thổ kỹ HÑQT 6 tháng cuối năm 2013
13	46 NQ/2014/VC25-HÑQT	10/01/2014	NQ Thông qua thuê/trồng nhà tô Showroom Vật liệu xây dựng
14	47 NQ/2014/VC25-HÑQT	10/01/2014	NQ Thông qua thuê/trồng Nhà tô Trại trên Bãi trồng tại Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam
15	49 NQ/2014/VC25-HÑQT	10/01/2014	NQ Thông qua việc xếp hạng các dôn và sản xuất
16	50 NQ/2014/VC25-HÑQT	10/01/2014	NQ Thông qua chương trình Nại hoá nông cơ nông thông niên năm 2014
17	303NQ/VC25-HÑQT	04/04/2014	Thông qua việc lựa chọn dôn và kiểm toán thực hiện kiểm toán và soát xét BCTC Công ty mẹ và BCTC hợp nhất năm 2014 của Công ty
18	304NQ/VC25-HÑQT	04/04/2014	Thông qua phòng an khai thác kinh doanh khai thác đất nổi 7 DA NNNN
19	465 NQ/VC25-HÑQT	01/02/2014	Nghị quyết thông nhất thông qua thuê/trồng nhà tô Trại trên bãi trồng di nông
20	481 NQ/VC25-HÑQT	09/04/2014	Nghị quyết thông qua thuê/trồng và kinh phí nhà tô hàng mức: móng cấp ngầm vốt nông (thuộc gói thầu niên chiếu sáng), dôi an KNT số 3 Niên Nam - Niên Ngoại
21	24 QN/VC25-HÑQT	15/01/2014	QN phê duyệt báo cáo nhà tô 02 xe chôn trên bãi trồng
22	26 QN/VC25-HÑQT	20/01/2014	QN phê duyệt kế hoạch nhà tô thầu dôi an nhà tô 02 xe chôn trên bãi trồng
23	48 QN/2014/VC25-HÑQT	10/01/2014	QN Sáp nhập BCH CT số 7 vào BCH CT số 1
24	53 QN/2014/VC25-HÑQT	11/01/2014	Phê duyệt thuê/trồng nhà tô hàng mức lập nhà ống buy thoát nước tại nút N9 DA NNNN
25	57 QN/VC25-TNKT	13/01/2014	QN khen thưởng các tập thể cá nhân xuất sắc 9 tháng nhà tô năm 2013
26	58 QN/VC25-TNKT	13/01/2014	QN khen thưởng các tập thể cá nhân xuất sắc 9 năm 2013
27	76 QN/2014/VC25-HÑQT	11/01/2014	QN Phân phối tiền thưởng cho HÑQT, BKS, Ban

			Niên hạnh, Toà thờ Kyri
28	113 QN/VC25-HNQ	01/03/2014	Quyết định phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dãi toàn hạng mục khác phục tổng bao quanh khu nghĩa trang
29	141 QN/VC25-HNQ	12/02/2014	QN giao nhiệm vụ cho ông NGUYỄN NINH THIỆU giới thiệu với Giám đốc Chi nhánh kết nối ngay 15/02/2014
30	142 QN/VC25-HNQ	12/02/2014	QN thời gian giao nhiệm vụ cho ông NGUYỄN XUÂN NHAIN giới thiệu với Giám đốc Chi nhánh kết nối ngay 15/02/2014
31	180 QN/VC25-HNQ	22/02/2014	Quyết định phân công nhiệm vụ của người nội địa theo ủy quyền nội với phân vốn góp của Công ty tại Công ty CP meico
32	257 QN/VC25-TCNS	11/03/2014	Quyết định bồi cần bồi cần công tác nước ngoài
33	260 QN/VC25-HNQ	17/03/2014	Quyết định phê duyệt phòng an toàn chức lái các rôn vò, bồi phân khu vực Quảng Nam
34	261 QN/VC25-HNQ	17/03/2014	Quyết định thành lập Hội đồng tiền lương Công ty cổ phần Vinaconex 25
35	262 QN/VC25-HNQ	17/03/2014	Quyết định thành lập Hội đồng tuyển dụng nhân tài Công ty cổ phần Vinaconex 25
36	263 QN/VC25-HNQ	17/03/2014	Quyết định thành lập Hội đồng giao khoán Công ty cổ phần Vinaconex 25
37	264 QN/VC25-HNQ	17/03/2014	Quyết định thành lập Hội đồng nhân sự chất lương cần bồi Công ty cổ phần Vinaconex 25
38	265 QN/VC25-HNQ	17/03/2014	Quyết định thành lập Hội đồng thi đua khen thưởng cần bồi Công ty cổ phần Vinaconex 25
39	266 QN/VC25-HNQ	17/03/2014	Quyết định thành lập Hội đồng Bảo vệ lao động và phòng chống cháy nổ Công ty cổ phần Vinaconex 25
40	267 QN/VC25-HNQ	17/03/2014	Quyết định thành lập Hội đồng nhân sự tài sản Công ty cổ phần Vinaconex 25
41	268 QN/VC25-HNQ	17/03/2014	Quyết định thành lập Hội đồng huấn luyện, kiểm tra an toàn vệ sinh lao động và phòng chống cháy nổ Công ty cổ phần Vinaconex 25
42	292 QN/VC25-TCNS	24/03/2014	Quyết định thời gian giao nhiệm vụ Thơ ký Hội đồng Quản trị, Ban niên hạnh Công ty

43	296 QN/VC25-TCNS	24/03/2014	Quyết định giao nhiệm vụ cải tạo LỒNG QUỐC THÔN nhằm nhận chức danh Thổ kỹ HNT, BNH
44	355 QN/VC25-HNT	24/03/2014	Quyết định phê duyệt lựa chọn nền và trung thầu mua sắm 02 xe chổi trần bê tông, thể tích bồn tròn 7,3m ³
45	373 QN/VC25-HNT	10/04/2014	Quyết định thông cho CBCNV nhận kỷ niệm 30 năm ngày thành lập Công ty
46	420 QN/VC25-HNT	23/04/2014	Quyết định thành lập tổ kiểm tra, nhận giải các hoạt động tại Công ty cổ phần Meico
47	458 QN/VC25-HNT		Quyết định phê duyệt lựa chọn nền và tổ vận lắp hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và đối toán hàng mức lắp đặt ống buy thoát nước tại nút N9 DA NNN
48	482 QN/VC25-HNT	12/05/2014	Quyết định thống nhất giải trừ bồi thường, hoá trị về giải phóng mặt bằng thi công hai tầng kỹ thuật. Địa điểm: Khu nhà số 3 Năm Nam - Năm Ngõ
49	580 QN/VC25-HNT	16/06/2014	Quyết định phê duyệt báo cáo mẫu số 01 máy bơm bê tông tính năng cao năng lực sản xuất Nhà máy bê tông
50	582 QN/VC25-HNT	19/06/2014	Quyết định phê duyệt kế hoạch mẫu thầu mẫu số 01 máy bơm bê tông tính năng cao năng lực sản xuất Nhà máy bê tông
51	617 QN/VC25-HNT	09/06/2014	QN phê duyệt bổ sung phụ cấp công phí niên thoát đi nông nội với Cải tạo - CNV
52	654 NQ/VC25-HDQT	12/01/2014	Nghị Quyết định qua Phòng an kinh doanh của Nhà máy bê tông năm 2014
53	756 NQ/2014/VC25-HDQT	27/06/2014	Nghị quyết định thống nhất bổ sung danh mục mẫu số tuyển công cấp nước D63/D50 HDPE và Tủ bù hai thế 125 KVAR vào kế hoạch mẫu số năm 2014
54	790 NQ/2014/VC25-HNT	21/07/2014	Thông qua kế hoạch SXKD 6 tháng mẫu số năm, công trình công tác cuối năm, tình hình hoạt động năm 2015 và một số nội dung khác
55	792 NQ/2014/VC25-HNT	21/07/2014	Thông qua phòng an niên chanh chiến lược, giải pháp phát triển NMBT niên giai niên 2016 theo lộ trình công nhân
56	793 NQ/2014/VC25-HNT	21/07/2014	Thông qua phòng an hoạt động của Mẫu số VC25 giai niên năm 2015 - 2016 và sau năm 2016
57	794 NQ/2014/VC25-HNT	21/07/2014	Thông qua chủ trương tăng vốn niên tại Công ty CP Meico năm 2014

58	1189 HÑQT	NQ/2014/VC25-	10/10/2014	Thay nội nhân sợi Hoá nông quản trị Công ty nhiệm kỳ 2010-2015
59	1196 HÑQT	NQ/2014/VC25-	10/10/2014	Thông qua kết quả SXKD 09 tháng năm 2014, chương trình công tác Quý IV/2014, Kế hoạch SXKD năm 2015 và một số nội dung
60	717 QD/2014/VC25-HDQT		20/06/2014	Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dãi toan Mông cấp ngầm vốt nông – Dãi an Niên Nam – Niên Ngọc
61	718 QD/2014/VC25-HDQT		04/07/2014	Phê duyệt hồ sơ dãi toan nêi chanh công trình Khu tại nêi cõ. Hăng mức Xõily nêi nông, nập nãt nêi nông K95
62	719 QD/2014/VC25-HDQT		04/07/2014	Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dãi toan Hăng mức nông dãi chieũ saing
63	758 QD/2014/VC25-HDQT		02/07/2014	Phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dãi an nãu tõ Tuyền ơng cấp nõiic D36/D50 HDPE và tui bui hai theã 125 KVAR
64	760 QD/2014/VC25-HDQT		07/07/2014	Quyết nêi nh phê duyệt kế hoạch nãu thau Dãi an nãu tõ Tuyền ơng cấp nõiic D36/D50 HDPE và tui bui hai theã 125 KVAR
65	791 QÑ/2014/VC25-HÑQT		21/07/2014	Thông qua kết quả nêi nh giãu chãt lõng cãi bõa Quyũ II/2014 khen thõng tãp theã cãi nãi nh lao nông tiẽu biẽu trong quyũ II/2014
66	796 QÑ/2014/VC25-HÑQT		21/07/2014	Phê duyệt phòng an tiẽn lõng năm 2014
67	797 QÑ/2014/VC25-HÑQT		21/07/2014	Phê duyệt chính sách nãi ngoã cho CB CNV Công ty
68	798 QÑ/2014/VC25-HÑQT		21/07/2014	Thanh toán thu lao cho thanh viẽn HDQT, BKS, Thõ kyũ HDQT 6 thãng nãu năm 2014
69	799 QÑ/2014/VC25-HÑQT		21/07/2014	Phê duyệt hồ sơ quy hoạch chi tiẽt sũu dũng nãt 1/500
70	806 QD/2014/VC25-HDQT		21/07/2014	Nêi nh tãng giãu trõ và lõa chõn trung thau 1 nõn võ may bõm bẽ tõng tĩnh
71	818 QD/2014/VC25-HDQT		16/08/2014	Quyết nêi nh phê duyệt báo cáo nãu tõ 02 xe trõn bẽ tõng nãng cao nãng lõic sãn xuãt NMBT thõng phãm
72	903 QÑ/2014/VC25-HDQT		31/05/2014	Quyết nêi nh phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dãi toan hăng mức Cãm mõiic, nêi nh số phãn lã Dãi an Niên Nam - Niên Ngọc
73	904 QÑ/2014/VC25-HDQT		11/06/2014	Quyết nêi nh phê duyệt kế hoạch nãu thau hăng mức: Mõng cấp ngầm vốt nông. Dãi an Niên Nam - Niên Ngọc

74	906 QN/2014/VC25-HNQ	18/08/2014	Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu đối an 2 xe chôn trôn bê tông
75	1048 HDQT QN/2014/VC25-	26/08/2014	Thông nhất chỉ trả tiền bồi thường, hoà trôi nếu giải phóng mặt bằng thi công hai tầng kỹ thuật Khu nhà thờ số 3 NN - NN
76	1049 HDQT QN/2014/VC25-	28/08/2014	Thông nhất phòng an tầng chi phí thông cho sản giao dịch bất động sản khai thác các lô con lại của nội 7 năm 2014
77	1304 HNQT QN/2014/VC25-	29/10/2014	Quyết định Phê duyệt báo cáo đấu tố 01 xe ô tô 5 chỗ ngoài phục vụ công tác
78	1306 HNQT QN/2014/VC25-	31/10/2014	Quyết định phê duyệt kế hoạch đấu thầu đối an đấu tố 01 xe ô tô 5 chỗ phục vụ công tác
79	1311 HNQT QN/2014/VC25-	01/11/2014	Quyết định nêu chỉnh tên gọi BCH CT số 10 thành BCH CT số 25 (01.11.2014)
80	1504 HNQT QN/2014/VC25-	27/11/2014	Phê duyệt hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và đối toàn nội chỉnh lần 2 Hàng mục cây xanh và hệ dải phân cách, khu hoa viên
81	1520 HNQT QN/2014/VC25-	04/12/2014	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu hàng mục: Duy trì cây xanh và hệ dải phân cách, khu hoa viên
82	1521 HNQT QN/2014/VC25-	13/12/2014	Phê duyệt đơn vị tư vấn lập nội an báo về mô trường chi tiết. Đối an NN NN
83	1537 CV/2014/VC25-CNCS	18/12/2014	Quyết định Thành lập Ban liên lạc Cựu Quân nhân Công ty CP Vinaconex 25
84	1549 HNQT QN/2014/VC25-	20/12/2014	Quyết định phê duyệt phòng an và kinh phí giải quyết chế độ với ông Nguyễn Năng Ngọc Dũng thuộc Phong KTTC do suy giảm khả năng lao động
85	1739 HNQT QN/2014/VC25-	31/12/2014	Quyết định Thành lập Ban Giám sát nội bồi trợ thuộc Hội đồng quản trị
86	1740 HNQT QN/2014/VC25-	31/12/2014	Quyết định Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Giám sát nội bồi trợ thuộc Hội đồng quản trị
87	1741 HNQT QN/2014/VC25-	31/12/2014	Quyết định Thành lập Ban An toàn Lao động - Thông hiệu thuộc Công ty cổ phần Vinaconex 25
88	1742 HNQT QN/2014/VC25-	31/12/2014	Quyết định Ban hành quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban An toàn Lao động - Thông hiệu thuộc Công ty cổ phần Vinaconex 25

THUẾ LAO VÀ CÁC KHOẢN LƯƠNG - THƯỜNG CỬA THANH VIÊN HŨQT, BKS, BŨH

1. Thuế lao 2014 và kế hoạch thuế lao 2015

- Tổng thuế lao thực hiện năm 2014 là 198.000.000 đồng. Mỗi thuế lao này thực hiện đúng theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ŢHŢCŢĐ ngay 13/3/2014 của ŢHŢCŢĐ.
- Căn cứ tình hình thực tế chi trả thuế lao năm 2014, chương trình hoạt động của HŢQT Công ty trong năm 2015, HŢQT **nhà xuất kế hoạch chi trả thuế lao năm 2015 là 198.000.000 đồng**

2. Các khoản lương, thưởng cơ quyế lương của thanh viên Hoạt động quản trị kiêm nhiệm chức danh kiêm hành của Công ty năm 2014:

TT	Họ và tên	Chức danh	Tổng thuế lao năm 2014	Tiền lương năm 2014	Tiền thưởng cơ quyế lương 2014	Tổng Cộng
1	Trần Văn Thất	UV.HŢQT kiêm Tổng Giám đốc	24.000.000	558.000.000	210.000.000	792.000.000
2	Nguyễn Xuân Nhân	UV.HŢQT kiêm Phó Tổng GŢĐ	24.000.000	418.500.000	157.500.000	600.000.000
3	Phạm Trung Bài	UV.HŢQT kiêm Phó Tổng GŢĐ	24.000.000	418.500.000	157.500.000	600.000.000



Dĩ an Khu Nhà ở xã hội SunHome Nà Nang



CÔNG NGHỆ:

Số lượng công nghệ	546	6.000.000	100,00%
Công nghệ cải tiến	532	2.803.379	46,72%
Công nghệ toàn chức	14	3.196.621	53,28%
Công nghệ trong nước	539	5.897.000	98,28%
Công nghệ nước ngoài	7	103.000	1,72%

THAY NỔI VÀ NGỒI CÔNG LIÊN QUAN: Không
CÔNG NGHỆ NỘI BỘ VÀ NGỒI CÔNG LIÊN QUAN:

TT	Tên công nghệ	Chức vụ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Nơi chế	Số công nghệ sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ số hữu công nghệ cuối kỳ
1	Tổng Công ty cải tiến Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		0103014768			34 Làng Hai, Hà Nội	3.060.000	51%
2	Võng Công San	Chủ tịch HĐQT,	205063929	26/07/2005	Quảng Nam	112/14 Quang Trung, Tp. Đà Nẵng	106.079	1,7680%
3	Trình Văn Thái	Ủy viên HĐQT, Tổng Giám đốc,	205365069	20/03/2010	Quảng Nam	159B Trần Quy Cap, Tam Kỳ Quảng Nam	99.810	1,6635%
4	Phạm Bài Trung	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc,	200848988	23/12/2004	Đà Nẵng	63/3 Hải Hoà Tp. Đà Nẵng	31.200	0,5200%
5	Nguyễn Xuân Nhan	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc,	205063944	01/02/2005	Quảng Nam	KP6, An Sơn, Tam Kỳ Quảng Nam	48.435	0,8073%
6	Nguyễn Thanh Huân	Trưởng Ban kiểm soát,	012758095	28/01/2005	Hà Nội	C12, TT Học Viện Hành Chính Quốc Gia, Yên Hoà Cầu Giấy, HN	12.500	0,2083%
7	Bùi Phước Hùng	Thành viên BKS,	205427391	06/12/2005	Quảng Nam	Vinaconex25, 159B Trần Quy Cap Tam Kỳ Quảng Nam	19.700	0,3283%
8	Tôn Trung An	Thành viên BKS,	201442287	08/05/2000	Đà Nẵng	1166-1167 Phan Đăng Lôi Đà Nẵng	1.047	0,02%
9	Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc,	205404900	26/09/2005	Quảng Nam	159B Trần Quy Cap, Tam Kỳ Quảng Nam	190.000	3.17%



TT	Tên cổ đông	Chức vụ	Số	Ngày cấp	Nơi cấp	Nơi cư	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ số hữu cổ phiếu cuối kỳ
10	Nguyễn Ninh Thiếu	Phó Tổng Giám đốc,	205318796	30/03/2004	Quảng Nam	1C6, Phường An Xuân, TP Tam Kỳ Quảng Nam	22.530	0,3800%
11	Nguyễn Thanh Hải	Kế toán trưởng,	205063947	03/09/1998	Quảng Nam	301 Hưng Võông, Tam Kỳ Quảng Nam	21.830	0,3638%
12	Nguyễn Ngọc Anh		200848985					
13	Nguyễn Ninh Tiến		205332477	06/11/2010	Quảng Nam	An Xuân, Tam Kỳ Quảng Nam	1.000	0,0167%
14	Võông Công Nguyễn		201459335	02/06/1998	Nã Nàng	112/14 Quang Trung, Tp.Nã Nàng	21.850	0,3642%
15	Nguyễn Văn Hòa		201120872	17/07/1988	Quảng Nam	An Sơn, Tam Kỳ Quảng Nam	5.130	0,0855%
16	Trần Thị Toá Uyển		205318789	30/03/2004	Quảng Nam	159B Trần Quyể Cấp, Tam Kỳ Quảng Nam	184.100	3,0683%
17	Nguyễn Xuân Bình		205257092	25/03/2003	Quảng Nam	An Sơn, Tam Kỳ Quảng Nam	50	0,0008%

GIAO DỊCH CỔ PHẦN CỦA CÔNG NGHỆ NÔNG BÒ

STT	Ngôøi thực hiện giao dịch	Quan hệ với công nghệ nông bò/công nghệ liên	Số cổ phiếu đầu kỳ		Số cổ phiếu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển nhượng, thông...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1.	Nguyễn Văn Trung	Phụ Tổng Giám đốc Công ty	170.000	2,83%	190.000	3,17%	Mua thêm
2	Tổ Trung An	Thành viên BKS	7.047	0,12%	1.047	0,02%	Bán bớt

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2010 - 2015

I. Hoạt động của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2010-2015

1. Nền tảng chung hoạt động của Ban kiểm soát

- Các thành viên Ban kiểm soát luôn thể hiện tinh thần độc lập, khách quan, tôn trọng pháp luật và Hiến pháp của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của Công ty trong nhiệm kỳ vừa qua.
- Tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị. Tham gia ý kiến với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành về những vấn đề liên quan đến công tác quản lý điều hành hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty.
- Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính quý năm nhằm nâng cao tính trung thực hợp lý của các số liệu tài chính. Nhà xuất bản HNT, Ban điều hành xử lý những tồn tại và tài chính của Công ty.
- Thực hiện các công tác khác theo chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

II. Nền tảng quản lý hoạt động kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế quan trọng từ năm 2010-2015

- Các chỉ tiêu giải trừ sản phẩm, doanh thu, lợi nhuận trước thuế tỷ lệ đầu tư: Công ty nêu hoàn thành, vượt kế hoạch và tăng trưởng trong suốt 05 năm của nhiệm kỳ 2010-2014.
- Vốn điều lệ của Công ty tăng từ 40 tỷ đồng năm 2010 lên đến 60 tỷ đồng năm 2011 và cho đến nay.
- Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty luôn tuân thủ Luật doanh nghiệp và Hiến pháp của Công ty, coi nhiều nỗ lực trong quản lý điều hành hoạt động hàng năm, nhờ Công ty ngày càng phát triển và hiệu quả và quy mô sản xuất kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2014

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

- Trong năm 2014, Ban Kiểm soát đã tổ chức cuộc họp định kỳ và tham dự tất cả các cuộc họp Hội đồng Quản trị của Công ty.

- Ban Kiểm soát đã tiến hành kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Công ty trong việc quản lý nội bộ hoạt động kinh doanh của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty năm 2014, cụ thể
 - Xem xét tính pháp lý trình tự, thủ tục ban hành các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc trong năm 2014 theo các quy định của pháp luật và của Công ty.
 - Tham gia ý kiến, đưa ra các kiến nghị với HĐQT, Ban Giám đốc Công ty về các vấn đề liên quan đến hoạt động của công ty trong năm.
 - Kiểm tra, giám sát việc triển khai và kết quả thực hiện Nghị quyết của Hội đồng quản trị năm 2014 nói với HĐQT và Ban Giám đốc.
 - Thẩm tra các Báo cáo tài chính quý năm nhằm nắm giữ tình hình trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán và chính sách tài chính hiện hành của Việt Nam.
 - Kiểm soát việc tuân thủ các quy định và công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

II. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp định kỳ quy định (và bất thường) theo quy định của Nội lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hội đồng quản trị cũng đã thông qua nhiều quyết định bằng hình thức xin ý kiến bằng văn bản. Ban Kiểm soát nắm giữ hoạt động của HĐQT trong năm phù hợp với quy định pháp luật (và công ty), đáp ứng kịp thời với yêu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm.
- Hội đồng quản trị đã ban hành nhiều Nghị quyết và Quyết định liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của HĐQT. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành đúng trình tự, đúng thẩm quyền và phù hợp các thủ tục pháp lý theo quy định của pháp luật và Công ty. Trong năm 2014, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty (như trình bày ô nhiễm các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT ban hành năm 2014).

III. KẾT QUẢ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: Năm 2014, Tổng giám đốc Công ty cùng với Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực nhiều hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và đã hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng: sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, công tác, thu nhập bình quân của người lao động... theo kế hoạch đã nêu. Hội đồng quản trị năm 2014 thông qua. Ban Giám đốc cũng đã lãnh Công ty thực hiện tốt công tác đầu tư, nắm bắt trung tâm cao, nắm bắt sản lượng, doanh thu cho năm 2015 và các năm tiếp theo.
- Công tác tài chính: Công tác thu hồi công nợ rất tích cực. Công ty luôn duy trì mức số dư tiền vay ngân hàng ở tỷ lệ thấp so với quy mô doanh thu, sản lượng của Công ty.
- Công tác đầu tư: Tổng giá trị đầu tư năm 2014 chiếm 51,1/72,9 tỷ đồng so với kế hoạch NHNCN năm 2014 thông qua. Nguyên nhân không đạt là do do trì hoãn bắt đầu sản xuất tại Nhà Máy vận chuyển hoàn toàn phức tạp nên Công ty chủ động mức đầu tư hợp lý
- Công tác tổ chức nhân sự: Ban điều hành đã đưa ra các kiến nghị Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt thay đổi cơ cấu tổ chức, nhân sự của Công ty, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, quản lý nhiều hành của Công ty trong giai đoạn hiện nay.

IV. THẨM NÔN BẢO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

- Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty meo vao hoip nhai noid lap theo cai chuan moc vao chea noi ke toan Viet Nam hien hanh.
- Cai Bao bao tai chinh nam 2014 noid kiem toan boi Cong ty TNHH Deloitte Viet Nam lao non vi nai noid UBCK Nha noid chap thuan kiem toan cai Cong ty niem yeu.
- Ykieu cua kiem toan vien ve cai Bao bao tai chinh nam 2014 cua Cong ty lao ykieu chap nhain toan bo Cai Bao bao tai chinh nam 2014 nai phain anh mot cach trung thoi, hoi ly tinh hinh tai chinh tai ngay 31/12/2014, ket qua hoat nong kinh doanh vao lau chuyen tien teo trong nam 2014, phu hoip voi chuan moc chea noi ke toan Viet Nam vao cai quy nhin hien hanh coi lien quan.

V. NINH GIAU TINH HINH HOAT NONG CUA CONG TY NAM 2014

Cai chat tieu phain tich tai chinh

Chat tieu	Non vo	Nam 2014	Nam 2013
1 Co cau Tai sain			
Tai sain dai han/Tong tai sain	%	14,92%	16,20%
Tai sain ngan han/Tong tai sain	%	85,08%	83,80%
2 Co cau Von			
Noi phai trai/Tong nguon von	%	81,15%	82,90%
Von chui soi hou/Tong nguon von	%	16,84%	17,10%
3 Kha nang thanh toan			
Kha nang thanh toan nhanh	lan	0,73	0,10
Kha nang thanh toan hien hanh	lan	1,06	1,01
4 Ty suat sinh loi			
Loi nhuan TT/Doanh thu thuan	%	3,02%	3,86%
Loi nhuan TT/Von chui soi hou	%	26,28%	31,00%

Ninh giam chung: Co cau Tai sain, Von cua Cong ty khong thay noi lon so voi nam 2013. Cong ty nuu khai nang thanh toan noi nen han. Ty suat loi nhuan trooc thue Doanh thu thuan, Von chui soi hou giam so voi nam 2013.

Nhan xe, nang giam tinh hinh tai chinh tai ngay 31/12/2014

- Ty trong Tai sain ngan han/Noi ngan han lao 1,06 lan, Cong ty nuu khai nang thanh toan noi ngan han.
- Ty le Noi phai trai/Nguon von chui soi hou lao 4,82 lan. Ty le nay lao cao, chong toi hoat nong cua cong ty van dia chui yeu bang von vay vao von chiem dung cua cai noi tai.
- Phai thu khach hang tai ngay 31/12/2014 lao 324,6 ty dong, bang 37% doanh thu cua Cong ty (thap hon so voi ty le 43% doanh thu cua nam 2013). Tinh nen ngay 31/12/2014, Cong ty coi mot so khoain phai thu qua han phai tich lap doi phong (soa tich lap luyoi ke nen 31/12/2014 lao 12.642 trieu dong).

- Số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 là 134.842 triệu đồng. Nếu so với số dư tại khoản tiền và tổng đồng tiền 27.053 triệu đồng và chi phí sản xuất kinh doanh đầu vào 145.834 triệu đồng tại cùng thời điểm; và doanh thu năm 2014 là 882.194 triệu đồng thì khoản vay ngắn hạn này là hợp lý
- Số dư vay và nợ dài hạn tại ngày 31/12/2014 là 3.595 triệu đồng. Khoản vay này được vay từ Ngân hàng TMCP Ngoại thông Việt Nam, nhằm mua sắm tài sản như trạm trộn bê tông, cầu cầu thép, vãn tải...

VI. THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT CỦA ĐẠI HỘI NÔNG CỎ NĂM 2014

Thực hiện phân phối lợi nhuận năm 2013 và trích quỹ cho công nhân theo Nghị quyết của Đại hội nông công nhân thông niên năm 2014.

- Công ty đã thực hiện trích quỹ cho các công nhân theo Nghị quyết của Đại hội nông công nhân thông niên năm 2014 (mức chi trích quỹ 18%).
- Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ theo phương án phân phối lợi nhuận năm 2013 theo Nghị quyết của Đại hội nông công nhân thông niên năm 2014.

Thực hiện các chỉ tiêu kinh tế

- Năm 2014, Công ty đã hoàn thành tất cả các chỉ tiêu kinh tế quan trọng theo Nghị quyết Đại hội nông công nhân thông niên năm 2014 thông qua.
- Các chỉ số bảng tổng hợp nêu trên: Công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu về kế hoạch SXKD theo Nghị quyết Đại hội công nhân năm 2014, trong đó Giá trị sản lượng đạt 106%, doanh thu đạt 101%, lợi nhuận trước thuế đạt 106%, công tác (dự kiến) đạt 111%. Riêng hoạt động mua sắm đạt 70%, nguyên nhân chủ yếu do thị trường bất ổn sản tại Nhà Máy và cửa hoàn toàn phục hồi nên Công ty chủ động mức mua sắm hợp lý

Lựa chọn công ty kiểm toán nội bộ thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2014

Công ty đã thực hiện ký hợp đồng với Công ty TNHH Deloitte Việt Nam theo Nghị quyết của Đại hội nông công nhân thông niên năm 2014 thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.

Trích thu lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2014

Công ty đã thực hiện trích thu lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2014 theo đúng mức đã được Đại hội nông công nhân thông niên năm 2014 thông qua.



Đội ảnh Trường Nữ học sĩ phẩm Tp.HCM



Deloitte.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 25

STP
C
H
D
VI
C



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vinaconex 25 (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Vương Công San	Chủ tịch
Ông Đinh Việt Tùng	Ủy viên (Miễn nhiệm ngày 10/10/2014)
Ông Trịnh Văn Thật	Ủy viên
Ông Phạm Bá Trung	Ủy viên
Ông Nguyễn Xuân Nhân	Ủy viên
Ông Đỗ Trọng Quỳnh	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 10/10/2014)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Trịnh Văn Thật	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bá Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Trung	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Nhân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Thiệu	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *Thật*



Trịnh Văn Thật
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 3 năm 2015



Deloitte.

Số: 20 /VN1A-HN-BC

Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Tầng 12A, Toà nhà Vinaconex
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa
Hà Nội, Việt Nam
Tel : +844 6288 3568
Fax: +844 6288 5678
www.deloitte.com/vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Vinaconex 25

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Vinaconex 25 (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 05 tháng 3 năm 2015, từ trang 3 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất").

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Thị Thủy Ngọc
Phó Tổng Giám đốc
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0031-2013-001-1



Nguyễn Anh Tuấn
Kiểm toán viên
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1472-2013-001-1

**Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 05 tháng 3 năm 2015
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên - mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Deloitte Touche Tohmatsu Limited (hay "Deloitte Toàn cầu") không cung cấp dịch vụ cho các khách hàng. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		511.654.927.438	483.391.201.965
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	27.053.356.651	42.670.864.653
1. Tiền	111		27.053.356.651	32.670.864.653
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	1.500.000.000	3.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.500.000.000	3.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		324.215.704.654	344.033.109.367
1. Phải thu khách hàng	131	7	324.632.134.514	335.148.185.546
2. Trả trước cho người bán	132	8	9.264.434.644	17.303.904.383
3. Các khoản phải thu khác	135	9	2.961.730.690	2.398.013.309
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(12.642.595.194)	(10.816.993.871)
IV. Hàng tồn kho	140	10	149.603.586.864	86.661.695.342
1. Hàng tồn kho	141		149.603.586.864	86.661.695.342
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.282.279.269	7.025.532.603
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.012.606.620	2.816.759.695
2. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.269.672.649	4.208.772.908
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		89.756.714.604	86.056.263.798
I. Tài sản cố định	220		49.127.966.607	45.589.544.047
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	45.773.966.607	42.235.544.047
- Nguyên giá	222		97.550.876.357	85.351.710.778
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(51.776.909.750)	(43.116.166.731)
2. Tài sản cố định vô hình	227		3.354.000.000	3.354.000.000
- Nguyên giá	228		3.456.000.000	3.456.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(102.000.000)	(102.000.000)
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	13	1.168.623.342	2.433.866.436
1. Đầu tư dài hạn khác	258		5.250.000.000	5.250.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(4.081.376.658)	(2.816.133.564)
III. Tài sản dài hạn khác	260		39.460.124.655	38.032.853.315
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	25.477.372.191	24.013.337.073
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	15	82.728.064	129.157.242
3. Tài sản dài hạn khác	268	16	13.900.024.400	13.890.359.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		601.411.642.042	569.447.465.763

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		488.018.707.567	461.070.648.481
I. Nợ ngắn hạn	310		483.570.055.192	459.520.648.481
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	17	134.842.852.705	111.368.760.083
2. Phải trả người bán	312	18	192.538.616.086	150.498.614.727
3. Người mua trả tiền trước	313	19	58.165.986.812	81.594.805.180
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	20	10.954.031.951	22.844.838.432
5. Phải trả người lao động	315		23.117.006.302	25.551.400.763
6. Chi phí phải trả	316	21	57.649.793.198	59.645.364.980
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	22	2.567.688.177	4.542.905.196
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		3.375.868.174	2.782.053.647
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		358.211.787	691.905.473
II. Nợ dài hạn	330		4.448.652.375	1.550.000.000
1. Vay và nợ dài hạn	334	23	3.595.000.000	1.550.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		853.652.375	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		101.277.776.194	96.731.287.631
I. Vốn chủ sở hữu	410		101.277.776.194	96.731.287.631
1. Vốn điều lệ	411	24	60.000.000.000	60.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	24	6.795.900.000	6.795.900.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417	24	13.331.310.843	11.464.036.395
4. Quỹ dự phòng tài chính	418	24	2.105.258.278	1.640.568.302
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	24	19.045.307.073	16.830.782.934
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		12.115.158.281	11.645.529.651
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		601.411.642.042	569.447.465.763

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Đơn vị	31/12/2014	31/12/2013
1. Nợ khó đòi đã xử lý	VND	1.014.000.404	1.014.000.404

Nguyễn Đình Huấn
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Thập
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MÃ SỐ B 02-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	882.194.843.526	784.019.405.762
2. Các khoản giảm trừ doanh thu		02	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		882.194.843.526	784.019.405.762
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	779.881.080.644	686.232.696.438
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		102.313.762.882	97.786.709.324
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.607.174.497	1.947.440.120
7. Chi phí tài chính	22		17.942.330.849	17.240.590.116
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		16.661.594.404	14.680.210.860
8. Chi phí bán hàng	24		23.747.988.712	17.502.508.645
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		38.652.047.656	32.494.956.608
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		23.578.570.162	32.496.094.075
11. Thu nhập khác	31		3.751.833.501	1.361.519.428
12. Chi phí khác	32		716.669.374	681.826.995
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		3.035.164.127	679.692.433
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.613.734.289	33.175.786.508
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	5.962.779.937	15.358.280.135
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	30.930.309	106.248.068
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.620.024.043	17.711.258.305
<i>Phân phối cho:</i>				
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	61		18.544.174.424	15.953.673.426
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	62		2.075.849.619	1.757.584.879
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	3.091	2.659

Nguyễn Đình Huân
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Thập
Tổng Giám đốc



Đà Nẵng, ngày 05 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

MẪU SỐ B 03-DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	26.613.734.289	33.175.786.508
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	9.603.039.195	10.003.739.002
Các khoản dự phòng	03	3.090.844.417	5.894.285.677
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(1.647.112.188)	(1.461.246.385)
Chi phí lãi vay	06	16.661.594.404	14.680.210.860
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	54.322.100.117	62.292.775.662
Thay đổi các khoản phải thu	09	18.182.217.665	(46.836.078.969)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(62.941.891.522)	(10.747.974.186)
Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	10.018.661.264	23.565.227.340
Thay đổi chi phí trả trước	12	(3.659.882.043)	(9.408.412.136)
Tiền lãi vay đã trả	13	(16.942.813.817)	(14.462.538.592)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.374.429.007)	(7.003.427.436)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(3.942.769.447)	(2.169.626.518)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19.338.806.790)	(4.770.054.835)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(13.275.754.167)	(2.952.160.034)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	253.636.363	338.855.909
3. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(3.000.000.000)
4. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	1.500.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.631.318.237	1.122.390.476
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.890.799.567)	(4.490.913.649)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của các cổ đông thiểu số vào công ty con	31	-	9.070.000.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	639.205.381.805	547.573.948.297
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(613.686.289.183)	(532.066.812.545)
4. Cổ tức đã trả cho các cổ đông	36	(11.906.994.267)	(10.836.999.608)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	13.612.098.355	13.740.136.144
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(15.617.508.002)	4.479.167.660
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	42.670.864.653	38.191.696.993
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	27.053.356.651	42.670.864.653

Nguyễn Đình Huân
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng

Trịnh Văn Thật
Tổng Giám đốc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 25 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vinaconex 25 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước - Công ty Xây lắp Vinaconex 25, thuộc Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Xây dựng Việt Nam (nay là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam) theo Quyết định số 1786/QĐ-BXD ngày 17 tháng 11 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3303070094 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Nam cấp ngày 27 tháng 12 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi lần thứ 11 số 4000378261 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 10 tháng 7 năm 2014 và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh.

Công ty niêm yết và giao dịch cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là VCC.

Công ty mẹ của Công ty là Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty và Công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 540 người (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 494 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông thủy lợi, sân bay, bến cảng, thủy điện, đường dây và trạm biến thế điện đến 500 KV, cấp thoát nước, các công trình kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu dân cư, công trình công ích, thi công các công trình ngoài nước;
- Hoàn thiện công trình xây dựng; lắp đặt hệ thống điện; lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; lắp đặt hệ thống báo cháy, phòng cháy, chữa cháy, thang máy; cát tạo dáng và hoàn thiện đá; hoạt động xây dựng chuyên dụng khác.
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày; vận tải hàng hóa bằng đường bộ; dịch vụ phá dỡ, chuẩn bị mặt bằng, bóc xếp hàng hóa, kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ phòng chống mối mọt;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng; sản xuất, truyền tải và phân phối điện; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao; sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét; sản xuất các cấu kiện kim loại;
- Khai thác, kinh doanh nước sạch; thoát nước và xử lý nước thải; khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị xây dựng; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới bất động sản;
- Tư vấn đầu tư xây dựng, lập thẩm định dự án thiết kế kỹ thuật và tổng dự toán, tư vấn đấu thầu, khảo sát địa hình, địa chất, thí nghiệm, tư vấn giám sát, quản lý dự án.
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại; sửa chữa máy móc thiết bị.
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động; dịch vụ phục vụ đồ uống; đại lý du lịch; cho thuê xe có động cơ.
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế.
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác.
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình; bán lẻ đồ ngũ kim, sơn kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh.
- Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp và Thông tư số 202/2014/TT-BTC (“Thông tư 202”) hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Những thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư 202 thay thế cho các quy định trong phần XIII của Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng các thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Công ty.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Công ty kiểm soát (công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa Công ty và công ty con được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính và các tài sản tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền theo tháng cho đá vật liệu và phương pháp nhập trước, xuất trước đối với các nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ khác. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Hàng tồn kho (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2014
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc, thiết bị	3 - 8
Phương tiện vận tải	4 - 8
Thiết bị văn phòng	2 - 3

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất không thời hạn và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không thời hạn không phải trích khấu hao, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ và linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên và chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định chờ phân bổ. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)**

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với bất động sản mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến bất động sản đã được chuyển giao sang người mua. Đối với bất động sản được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án bất động sản và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên trị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành của công việc xây dựng vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận lãi.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế (Tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hoãn lại trên cơ sở thuận.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.653.243.720	1.131.226.179
Tiền gửi ngân hàng	25.400.112.931	31.539.638.474
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	<u>27.053.356.651</u>	<u>42.670.864.653</u>

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Quảng Nam.



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

7. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu các bên liên quan (xem Thuyết minh số 32)	82.719.583.977	111.267.470.757
Phải thu các đối tượng khác	241.912.550.537	223.880.714.789
<i>Công ty TNHH MTV ĐT và PT Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam</i>	15.008.264.200	23.268.246.200
<i>Ban quản lý các công trình công cộng-Thành phố Tam Kỳ</i>	7.255.362.000	11.849.117.000
<i>Trường Đại học Y Dược Huế</i>	3.119.334.050	6.119.334.050
<i>Bệnh viện đa khoa Trung ương Quảng Nam</i>	9.116.858.800	12.133.362.700
<i>Trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam</i>	8.469.003.500	11.125.011.600
<i>Công ty lưới điện cao thế Miền Trung</i>	2.154.663.518	11.766.080.631
<i>Ngân hàng Ngoại thương Đà Nẵng</i>	3.535.858.900	3.535.858.900
<i>Toà phúc thẩm Toà án nhân dân tối cao</i>	9.982.067.000	22.274.837.000
<i>Bệnh viện Chỉnh hình Đà Nẵng</i>	579.148.180	10.301.664.130
<i>Sở Lao động Thương binh Xã hội Quảng Nam</i>	4.051.414.000	2.118.765.126
<i>Cục hải quan tỉnh Quảng Ngãi</i>	1.389.178.981	1.389.178.981
<i>BQL DA hỗ trợ y tế Duyên hải Nam Trung Bộ - Quảng Ngãi</i>	-	815.967.249
<i>Trung tâm đăng kiểm thủy bộ tỉnh Quảng Nam</i>	20.121.140	2.348.287.700
<i>Công ty Bất động sản miền Trung</i>	-	3.000.000.000
<i>Tổng công ty 789</i>	6.386.591.310	-
<i>Công ty Cổ phần thủy điện A Vương</i>	1.914.698.123	-
<i>Công ty CP đầu tư phát triển và xây dựng Thành Đô</i>	1.571.198.000	-
<i>Công ty TNHH OLYMPIA</i>	1.529.206.572	-
<i>Các đối tượng khác</i>	165.829.582.263	101.835.003.522
	324.632.134.514	335.148.185.546

8. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trả trước các bên liên quan	-	-
Trả trước các đối tượng khác	9.264.434.644	17.303.904.383
<i>Công ty Cổ phần Kiến Trúc Hồng Đức</i>	-	6.777.820.899
<i>Công ty TNHH TM XNK Tổng hợp Phú Cường</i>	-	2.978.958.000
<i>Công ty TNHH Tập đoàn Thang máy Thiết bị Thăng Long</i>	-	867.018.000
<i>Chi nhánh Công ty Cổ phần Eurowindow tại TP Đà Nẵng</i>	2.000.000.000	-
<i>Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ AT&T</i>	1.110.463.200	-
<i>Các đối tượng khác</i>	6.153.971.444	6.680.107.484
	9.264.434.644	17.303.904.383

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ứng tiền đền bù dự án Điện Nam - Điện Ngọc	1.364.510.387	1.110.686.905
Ứng tiền cho dự án trường Cao đẳng Y tế Quảng Nam	120.000.000	120.000.000
Ứng tiền cho dự án cải thiện môi trường đô thị Tam Kỳ	290.000.800	290.000.800
Công ty Cổ phần Vinaconex Quyết Thắng	160.000.000	160.000.000
Phải thu khác	1.027.219.503	717.325.604
	2.961.730.690	2.398.013.309

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.211.434.402	7.594.051.552
Công cụ, dụng cụ	335.542.667	441.707.048
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	145.834.869.190	77.385.621.658
Thành phẩm	176.334.756	-
Hàng hóa	45.405.849	1.240.315.084
	149.603.586.864	86.661.695.342
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho	149.603.586.864	86.661.695.342

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2014	18.072.129.466	28.931.459.580	38.121.264.431	226.857.301	85.351.710.778
Tăng do đầu tư, mua sắm	102.056.163	3.394.162.284	9.794.375.527	-	13.290.593.974
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(979.444.958)	-	(979.444.958)
Giảm khác	(14.839.807)	(97.143.630)	-	-	(111.983.437)
Tại ngày 31/12/2014	18.159.345.822	32.228.478.234	46.936.195.000	226.857.301	97.550.876.357
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2014	5.476.298.169	19.111.223.443	18.421.190.593	107.454.526	43.116.166.731
Khấu hao trong năm	916.441.083	2.838.743.564	5.811.662.783	36.191.765	9.603.039.195
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(845.152.546)	-	(845.152.546)
Giảm khác	-	(97.143.630)	-	-	(97.143.630)
Tại ngày 31/12/2014	6.392.739.252	21.852.823.377	23.387.700.830	143.646.291	51.776.909.750
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2014	11.766.606.570	10.375.654.857	23.548.494.170	83.211.010	45.773.966.607
Tại ngày 31/12/2013	12.595.831.297	9.820.236.137	19.700.073.838	119.402.775	42.235.544.047

Như trình bày tại Thuyết minh số 17 và số 23, Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 44.037.869.192 VND (31 tháng 12 năm 2013: 40.932.962.368 VND) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 17.834.074.005 VND (31 tháng 12 năm 2013: 8.817.663.053 VND).

12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá trị đầu tư tại ngày 31/12/2014	Hoạt động chính
				VND	
Công ty CP Vật tư Thiết bị và Đầu tư Xây dựng M.E.I	Đà Nẵng	51,0%	51,0%	10.200.000.000	Xây lắp
				10.200.000.000	

Báo cáo tài chính của công ty con trên được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Tỷ lệ góp vốn (%)	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công ty Cổ phần Vinaconex Dung Quất	0,5%	250.000.000	250.000.000
Công ty Cổ phần Vinaconex Xuân Mai Đà Nẵng	10%	5.000.000.000	5.000.000.000
		5.250.000.000	5.250.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(4.081.376.658)	(2.816.133.564)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư dài hạn		1.168.623.342	2.433.866.436

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	25.094.105.830	23.381.335.825
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	383.266.361	632.001.248
	25.477.372.191	24.013.337.073

15. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI

	2014 VND	2013 VND
Chênh lệch giá trị tài sản cố định góp vốn vào Công ty con	797.813.591	797.813.591
Chi phí khấu hao đã trích	(421.776.936)	(281.184.624)
Tổng chênh lệch tạm thời tính thuế TNDN	376.036.655	516.628.967
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
	82.728.064	129.157.242

16. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản ký quỹ ký cược dài hạn	13.900.024.400	13.890.359.000
	13.900.024.400	13.890.359.000

Các khoản ký quỹ ký cược dài hạn bao gồm khoản đặt cọc cho Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam về việc hợp tác đầu tư thực hiện dự án cụm nhà ở hỗn hợp tại Lô B3 Khu đô thị mới Nam Cầu Trần Thị Lý - Đà Nẵng theo Hợp đồng số 0187A/2011/PC-HD ngày 05/7/2011 với số tiền 13.667.159.000 VND và các khoản ký quỹ dài hạn khác tại ngân hàng.

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	131.312.852.705	107.478.760.083
Nợ dài hạn đến hạn trả (<i>xem Thuyết minh số 23</i>)	3.530.000.000	3.890.000.000
	134.842.852.705	111.368.760.083

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ các ngân hàng thương mại dưới hình thức các hợp đồng vay có thời hạn nhỏ hơn một năm. Các khoản vay này được dùng để bổ sung vốn lưu động của Công ty để thực hiện các công trình trong năm và được đảm bảo bằng tài sản cố định như đã trình bày tại Thuyết minh số 11. Lãi suất được quy định theo từng hợp đồng vay từ 7,7%/năm đến 8,2%/năm.

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn theo ngân hàng như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Quảng Nam	43.833.739.558	41.817.912.867
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Quảng Nam	27.186.329.789	27.457.340.868
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - CN Quảng Nam	21.728.093.134	22.373.139.846
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Quảng Nam	15.116.818.984	7.905.449.962
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đà Nẵng	17.547.871.240	7.924.916.540
Ngân hàng TMCP Kỹ thương - CN Đà Nẵng	5.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Đà Nẵng	900.000.000	-
	131.312.852.705	107.478.760.083

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải trả các bên liên quan (xem Thuyết minh số 32)	698.940.538	3.293.837.370
Phải trả các đối tượng khác	191.839.675.548	147.204.777.357
<i>Tổng Công ty thép Việt Nam - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	-	13.937.974.745
<i>CN Công ty CP Thang máy Thiên Nam tại Đà Nẵng</i>	2.104.400.000	2.104.400.000
<i>Doanh nghiệp tư nhân Hiệp Thuận</i>	4.364.179.600	3.514.095.500
<i>Công ty TNHH Thương mại Thép Pomina</i>	2.327.546.612	3.080.144.965
<i>Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân</i>	4.888.929.495	9.750.390.397
<i>Công ty CP Eurowindow - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	4.837.167.153	3.664.979.915
<i>Công ty CP Xi măng Cosevco Đà Nẵng</i>	-	1.324.362.200
<i>Công ty CP Smart</i>	905.209.634	787.959.028
<i>Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đắc Lộc</i>	-	628.414.976
<i>Công ty TNHH Duy Thịnh</i>	3.466.679.950	17.517.684
<i>Công ty CP Kim khí Miền TRung</i>	10.038.938.076	-
<i>Ban chỉ huy Công trình Trường ĐH Quy Nhơn</i>	6.634.548.093	-
<i>Công ty TNHH MTV Thép Hòa Phát - Chi nhánh Đà Nẵng</i>	3.532.570.890	-
<i>Công ty TNHH TM&SX Thép Việt</i>	2.031.802.575	-
<i>Công ty CP Sản xuất Thép Việt - Mỹ</i>	10.236.751.516	-
<i>Các đối tượng khác</i>	136.470.951.954	108.394.537.947
	192.538.616.086	150.498.614.727



CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Bên liên quan (xem Thuyết minh số 32)	6.946.133.266	12.496.233.824
Các đối tượng khác	51.219.853.546	69.098.571.356
<i>Bộ Thể thao Văn hóa Du lịch</i>	-	9.783.168.000
<i>Cục An Ninh - A682</i>	-	10.671.996.692
<i>Công ty CP Du lịch Bến thành Non Nước</i>	9.957.119.701	8.580.000.000
<i>Cục thuế Đà Nẵng</i>	-	6.732.000.000
<i>Công ty CP Đầu tư Phát triển và Xây dựng Thành Đô</i>	-	1.736.500.000
<i>Các đối tượng khác</i>	41.262.733.845	31.594.906.664
	58.165.986.812	81.594.805.180

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	5.886.253.531	9.588.035.795
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.737.182.994	13.075.128.020
Thuế thu nhập cá nhân	125.673.369	112.314.840
Thuế tài nguyên	53.172.326	-
Thuế, phí, lệ phí khác	151.749.731	69.359.777
	10.954.031.951	22.844.838.432

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trích trước chi phí thực hiện công trình	57.509.246.511	58.451.880.496
Chi phí lãi vay phải trả	140.546.687	421.766.100
Chi phí phải trả khác	-	771.718.384
	57.649.793.198	59.645.364.980

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Thu tiền góp vốn vào dự án Điện Nam - Điện Ngọc	1.367.591.663	3.138.646.891
Chi phí chưa thanh toán cho các đội thi công	631.234.291	566.786.548
Bảo hiểm xã hội	-	54.973.811
Bảo hiểm y tế	29.588.787	9.618.249
Kinh phí công đoàn	214.225.042	368.322.520
Bảo hiểm thất nghiệp	12.093.189	6.327.701
Phải trả cổ tức	173.456.811	198.590.311
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	139.498.394	199.639.165
	2.567.688.177	4.542.905.196

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

Vay dài hạn thể hiện các khoản vay bằng VND từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam theo các hợp đồng vay dài hạn. Các khoản vay này được dùng để đầu tư, mua sắm tài sản mới (trạm trộn bê tông, cần cẩu tháp, xe vận tải) và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 11. Thời hạn vay từ 3 năm đến 5 năm, lãi suất vay được quy định theo từng hợp đồng vay là 10,5%/năm.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Trong vòng một năm	3.530.000.000	3.890.000.000
Trong năm thứ hai	1.980.000.000	1.550.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	1.615.000.000	-
Sau năm năm	-	-
	7.125.000.000	5.440.000.000
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	3.530.000.000	3.890.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	3.595.000.000	1.550.000.000

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Thặng dư vốn		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
	Vốn điều lệ	cổ phần			
	VND	VND			
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2013	60.000.000.000	6.795.900.000	9.085.819.164	1.063.842.822	17.120.985.458
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	15.953.673.426
Phân phối quỹ	-	-	2.378.217.231	576.725.480	(2.954.942.711)
Chi trả cổ tức năm 2012	-	-	-	-	(10.907.780.809)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(2.381.152.430)
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2014	60.000.000.000	6.795.900.000	11.464.036.395	1.640.568.302	16.830.782.934
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	18.544.174.424
Phân phối quỹ	-	-	1.867.274.448	464.689.976	(2.331.964.424)
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	(10.800.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.448.855.052)
Tặng khác	-	-	-	-	251.169.191
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	60.000.000.000	6.795.900.000	13.331.310.843	2.105.258.278	19.045.307.073

Trong năm, Công ty đã trích các quỹ và phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCD ngày 08 tháng 3 năm 2014, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2013; Nghị quyết số 790/2014/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 7 năm 2014, Hội đồng Quản trị đã thông qua phương án tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận 6 tháng đầu năm 2014.

Công ty con đã trích các quỹ và phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCD ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật tư, Thiết bị và Đầu tư Xây dựng M.E.I thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2013.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

 Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
 Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)
MẪU SỐ B 09-DN/HN
Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo
24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 6.000.000 cổ phiếu phổ thông đang lưu hành. Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 9 ngày 15 tháng 6 năm 2013, vốn điều lệ và vốn đầu tư của Công ty đều là 60.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	30.600.000.000	51	30.600.000.000	30.600.000.000
Các cổ đông khác	29.400.000.000	49	29.400.000.000	29.400.000.000
	60.000.000.000	100	60.000.000.000	60.000.000.000

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là xây lắp, kinh doanh bất động sản, cung cấp hàng hóa và dịch vụ có liên quan. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động kinh doanh xây lắp, kinh doanh bất động sản, cung cấp hàng hóa và dịch vụ khác có liên quan.

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài Việt Nam.

26. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	2014 VND	2013 VND
Doanh thu hoạt động xây lắp và cung cấp vật liệu xây dựng	836.619.392.464	723.158.110.051
Doanh thu hoạt động đầu tư bất động sản	45.575.451.062	60.861.295.711
	882.194.843.526	784.019.405.762

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	2014 VND	2013 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp và cung cấp vật liệu xây dựng	749.865.011.787	640.177.463.631
Giá vốn kinh doanh bất động sản	30.016.068.857	46.055.232.807
	779.881.080.644	686.232.696.438

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	2014	2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	386.503.364.846	413.929.371.153
Chi phí công cụ, dụng cụ	10.289.998.414	9.864.506.676
Chi phí nhân công	155.636.669.857	67.826.060.276
Chi phí máy thi công	26.539.803.421	28.653.868.552
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.603.039.195	10.003.739.002
Chi phí dịch vụ mua ngoài	86.537.943.428	57.925.269.497
Chi phí khác	59.979.602.723	38.310.695.178
	735.090.421.884	626.513.510.334

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	2014	2013
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	26.613.734.289	33.175.786.508
Trong đó:		
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh chính	11.054.352.084	18.369.723.604
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bất động sản	15.559.382.205	14.806.062.904
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	1.343.463.138	458.015.375
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>1.513.955.565</i>	<i>636.107.687</i>
<i>Trừ: Các khoản thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(170.492.427)</i>	<i>(37.500.000)</i>
<i>Trừ: Chênh lệch được khấu trừ</i>	<i>-</i>	<i>(140.592.312)</i>
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính chịu thuế	12.397.815.222	18.827.738.979
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh bất động sản chịu thuế	15.559.382.205	14.806.062.904
Chênh lệch giá bán bất động sản chịu thuế (*)	-	27.799.318.555
Trích lập quỹ khoa học công nghệ	853.652.375	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế từ hoạt động kinh doanh chính	2.539.715.827	4.706.934.745
Thuế từ hoạt động kinh doanh bất động sản	3.423.064.110	10.651.345.390
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	5.962.779.937	15.358.280.135
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	30.930.309	106.248.068
	5.993.710.246	15.464.528.203

(*) Công ty tính bổ sung thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho phần chênh lệch giữa giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo hợp đồng chuyển nhượng thấp hơn giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam quy định theo quy định tại Thông tư số 123/2012/TT-BTC ngày 27/7/2012.

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	2014	2013
Lợi nhuận thuần để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	18.544.174.424	15.953.673.426
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	6.000.000	6.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	3.091	2.659

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 và Thuyết minh số 23 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Các khoản vay	138.437.852.705	112.918.760.083
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	27.053.356.651	42.670.864.653
Nợ thuần	111.384.496.054	70.247.895.430
Vốn chủ sở hữu	101.277.776.194	96.731.287.631
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	1,10	0,73

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị còn lại	
	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.053.356.651	42.670.864.653
Đầu tư ngắn hạn	1.500.000.000	3.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	314.951.270.010	326.729.204.984
Đầu tư dài hạn	1.168.623.342	2.433.866.436
Tài sản tài chính khác	16.437.238.593	16.035.033.826
Tổng cộng	361.110.488.596	390.868.969.899
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	138.437.852.705	112.918.760.083
Phải trả người bán và phải trả khác	196.858.673.756	154.245.684.398
Chi phí phải trả	57.649.793.198	59.645.364.980
Tổng cộng	392.946.319.659	326.809.809.461

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Luru, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty sẽ thay đổi như sau:

	Tăng/Giảm số điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến Lợi nhuận trước thuế (VND)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014		
VND	200	(142.500.000)
VND	-200	142.500.000
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013		
VND	200	(108.800.000)
VND	-200	108.800.000

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Ngoài các khoản phải thu của một số khách hàng đã được Công ty lập dự phòng phải thu khó đòi, Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

31. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	27.053.356.651	-	27.053.356.651
Đầu tư ngắn hạn	1.500.000.000	-	1.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	314.951.270.010	-	314.951.270.010
Đầu tư dài hạn khác	-	1.168.623.342	1.168.623.342
Tài sản tài chính khác	2.537.214.193	13.900.024.400	16.437.238.593
Tổng cộng	346.041.840.854	15.068.647.742	361.110.488.596
Phải trả người bán và phải trả khác	196.858.673.756	-	196.858.673.756
Chi phí phải trả	57.649.793.198	-	57.649.793.198
Các khoản vay	134.842.852.705	3.595.000.000	138.437.852.705
Tổng cộng	389.351.319.659	3.595.000.000	392.946.319.659
Chênh lệch thanh khoản thuần	(43.309.478.805)	11.473.647.742	(31.835.831.063)

31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1-5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	42.670.864.653	-	42.670.864.653
Đầu tư ngắn hạn	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	326.729.204.984	-	326.729.204.984
Đầu tư dài hạn khác	-	2.433.866.436	2.433.866.436
Tài sản tài chính khác	2.144.674.826	13.890.359.000	16.035.033.826
Tổng cộng	374.544.744.463	16.324.225.436	390.868.969.899
Phải trả người bán và phải trả khác	154.245.684.398	-	154.245.684.398
Chi phí phải trả	59.645.364.980	-	59.645.364.980
Các khoản vay	111.368.760.083	1.550.000.000	112.918.760.083
Tổng cộng	325.259.809.461	1.550.000.000	326.809.809.461
Chênh lệch thanh khoản thuần	49.284.935.002	14.774.225.436	64.059.160.438

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức kiểm soát được. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1
Công ty Cổ phần Vinaconex 6
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17
Công ty Cổ phần Vinaconex Quyết Thắng
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2

Mối liên hệ

Công ty mẹ
Công ty có cùng Công ty sở hữu
Công ty có cùng Công ty sở hữu
Công ty có cùng Công ty sở hữu
Công ty có cùng Công ty sở hữu
Công ty có cùng Công ty sở hữu
Công ty có cùng Công ty sở hữu
Công ty có cùng Công ty sở hữu
Công ty có cùng Công ty sở hữu

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	2014	2013
	VND	VND
Doanh thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	139.188.389.069	203.746.207.556
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	232.533.640
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	407.255.364	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	8.544.000	16.408.067
Mua hàng, tài sản		
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	4.232.906.294	3.759.720.579
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	1.010.271.032	23.798.160.782

Số dư với các bên liên quan:

	31/12/2014	31/12/2013
	VND	VND
Phải thu		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	81.824.649.689	110.666.318.179
Công ty Cổ phần Xây dựng số 1	39.110.566	99.110.566
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	-	160.787.004
Công ty Cổ phần Bê tông và Xây dựng Vinaconex Xuân Mai	529.293.500	-
Công ty Cổ phần Xây dựng số 16	84.980.900	-
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	-	23.433.500
Công ty Cổ phần Xây dựng số 5	167.821.508	317.821.508
Công ty Cổ phần VIMECO	73.727.814	-
	82.719.583.977	111.267.470.757
Phải trả		
Công ty Cổ phần Vinaconex Đà Nẵng	698.925.721	404.672.606
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17	14.817	2.889.164.764
	698.940.538	3.293.837.370
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Vinaconex Quyết Thắng	160.000.000	160.000.000
Ký cược, ký quỹ dài hạn		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	13.667.159.000	13.667.159.000
Người mua trả tiền trước		
Tổng Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	6.946.133.266	12.496.233.824
	2014	2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	3.072.000.000	2.637.419.228

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25

Số 89A Phan Đăng Lưu, quận Hải Châu
Thành phố Đà Nẵng, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

33. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Công ty không thể lượng hóa được sự ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 33/NQ/2015/VC25-HĐQT ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vinaconex 25, Công ty đã thống nhất chủ trương thoái vốn tại Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị và Đầu tư xây dựng M.E.I. Đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty chưa thực hiện các thủ tục pháp lý liên quan đến công tác thoái vốn tại Công ty Cổ phần Vật tư thiết bị và Đầu tư xây dựng M.E.I.

35. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán.

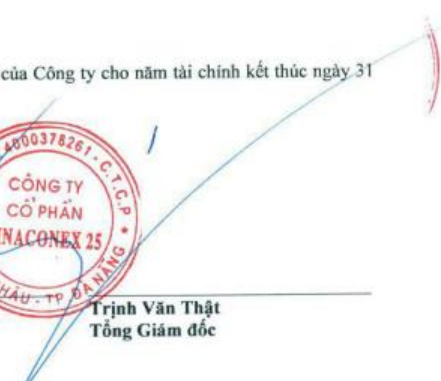


Nguyễn Đình Huân
Người lập biểu

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 3 năm 2015



Nguyễn Thanh Hải
Kế toán trưởng



Trịnh Văn Thật
Tổng Giám đốc

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Năm báo công việc làm thông xuyên, ổn định cho trên 2.000 người lao động. Thu nhập và an sinh phúc lợi của người lao động năm sau luôn cao hơn năm trước. Là Top 300 Nhà tuyển dụng hàng đầu VN.



Ứng dụng tiêu chuẩn quốc tế về an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001: Công ty kiểm soát những rủi ro về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp cho người lao động, hoàn thiện tích hợp hệ thống ISO 9001-2008 và chất lượng cho sản phẩm - an toàn cho con người - an toàn cho môi trường - tiết kiệm chi phí.



Triển khai tiêu chuẩn quốc tế về an toàn sức khỏe nghề nghiệp OHSAS 18001

- Chính sách xã hội, các hoạt động công nhân viên thực hiện thiết thực, coi y nghĩa nhân văn. Lao động nghiệp nhân lãnh đạo chính quyền, hỏi nạn thường xuyên gửi thơ khen ngợi về công tác từ thiện xã hội.

1,047

ty ñoàng
lao hoạt ñoàng xã hội năm 2014





CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Xây những giá trị, đồng những ước mơ

Chịu trách nhiệm:
Chủ tịch HĐQT Võng Công Sơn

Chịu trách nhiệm nội dung:
Tổng Giám đốc Trình Văn Thái

Biên tập – Hoàn chỉnh:
Người nước ủy quyền CBTT

CÔNG TY CỔ PHẦN VINACONEX 25
Xây dựng giá trị, đồng hành đổi mới

Trụ sở chính:

89A Phan Đăng Lưu, Quận Hai Châu, TP. Nha Trang

Điện thoại: (84) 511.3621632; **Fax:** (84) 511. 3621638

Email: info@vinaconex25.vn; **Website:** www.vinaconex25.com.vn

Chi nhánh Quảng Nam:

159B Trần Quý Cap, TP. Tam Kỳ tỉnh Quảng Nam

Điện thoại: (84) 510.3824618; **Fax:** (84) 510.3851694